

SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI CẤP ĐĂNG KÝ NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC NIÊM YẾT CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

# BẢN CÁO BẠCH NIÊM YẾT

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0203000436 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21/04/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 02 ngày 06/11/2009

## NIÊM YẾT CỔ PHIẾU

### TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

Đăng ký niêm yết số ..../ĐKNY do Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội cấp ngày ..././...

**BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:**

**1. Công ty Cổ Phần Bao bì PP**

Địa chỉ: Số 263, Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng  
Điện thoại: (84.31) 3 783 922 Fax: (84.31) 3 835 506  
Website: [www.haipacpp.com](http://www.haipacpp.com)

**2. Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn**

**Trụ sở chính:**

Địa chỉ: Số 72, Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84.8) 3824 2897 Fax: (848) 3824 7430  
Website: [www.ssi.com.vn](http://www.ssi.com.vn)

**Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội**

Địa chỉ: Số 1C, Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84.4) 3936 6321 Fax: (84.4) 3936 6318

**Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hải Phòng**

Địa chỉ: Số 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng  
Điện thoại: (84.31) 3 569 123 Fax: (84.31) 3 569 130

**PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN:**

Họ tên: Ông Phạm Trung Quyết Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc  
Điện thoại: (84.31) 3 783.922 Fax: (84.31) 3 835.506

**Tháng 12/2009**

## CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP



Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0203000436 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21/04/2003 và đăng ký thay thay đổi lần thứ 02 ngày 06/11/2009

### NIÊM YẾT CỔ PHIẾU TRÊN SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI

|                                |                                          |
|--------------------------------|------------------------------------------|
| <b>Tên cổ phiếu:</b>           | Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì PP       |
| <b>Loại cổ phiếu:</b>          | Cổ phiếu phổ thông                       |
| <b>Mệnh giá:</b>               | 10.000 đồng/cổ phiếu                     |
| <b>Tổng số lượng niêm yết:</b> | 3.880.000 cổ phiếu                       |
| <b>Tổng giá trị niêm yết:</b>  | 38.800.000.000 đồng (tính theo mệnh giá) |

### TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

#### ❖ Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Việt Nam

|             |                                                                 |          |                                                               |
|-------------|-----------------------------------------------------------------|----------|---------------------------------------------------------------|
| Địa chỉ:    | Tầng 7, Tòa nhà số 05 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng |          |                                                               |
| Điện thoại: | (84.31) 3842430                                                 | Fax:     | (84.31) 3842433                                               |
| Email:      | <a href="mailto:vaaco@hn.vnn.vn">vaaco@hn.vnn.vn</a>            | Website: | <a href="http://www.vaaco.com.vn">http://www.vaaco.com.vn</a> |

### TỔ CHỨC TƯ VẤN:

#### ❖ Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)

##### *Trụ sở chính*

|             |                                                    |          |                                                           |
|-------------|----------------------------------------------------|----------|-----------------------------------------------------------|
| Địa chỉ:    | Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh    |          |                                                           |
| Điện thoại: | (84.8) 3824 2897                                   | Fax:     | (84.8) 3824 7430                                          |
| Email:      | <a href="mailto:ssi@ssi.com.vn">ssi@ssi.com.vn</a> | Website: | <a href="http://www.ssi.com.vn">http://www.ssi.com.vn</a> |

##### *Chi nhánh Nguyễn Công Trứ - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn*

|             |                                                        |      |                  |
|-------------|--------------------------------------------------------|------|------------------|
| Địa chỉ:    | 180-182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh |      |                  |
| Điện thoại: | (84.8) 3821 8567                                       | Fax: | (84.8) 3291 0590 |

##### *Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn*

|             |                                         |      |                  |
|-------------|-----------------------------------------|------|------------------|
| Địa chỉ:    | Số 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |      |                  |
| Điện thoại: | (84.4) 3936 6321                        | Fax: | (84.4) 3936 6318 |

##### *Chi nhánh Trần Bình Trọng - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn*

|             |                                            |      |                  |
|-------------|--------------------------------------------|------|------------------|
| Địa chỉ:    | 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội |      |                  |
| Điện thoại: | (84.4) 3942 6718                           | Fax: | (84.4) 3942 6719 |

##### *Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn - Chi nhánh Hải Phòng*

|             |                                                  |      |                   |
|-------------|--------------------------------------------------|------|-------------------|
| Địa chỉ:    | Số 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng |      |                   |
| Điện thoại: | (84.31) 3 569 123                                | Fax: | (84.31) 3 569 130 |

## MỤC LỤC

|                                                                                                                                                                                                                                                                                                 |           |
|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| <b>I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO .....</b>                                                                                                                                                                                                                                                              | <b>4</b>  |
| 1. Rủi ro về kinh tế.....                                                                                                                                                                                                                                                                       | 4         |
| 2. Rủi ro về luật pháp .....                                                                                                                                                                                                                                                                    | 4         |
| 3. Rủi ro hoạt động kinh doanh .....                                                                                                                                                                                                                                                            | 4         |
| 4. Rủi ro về biến động giá chứng khoán .....                                                                                                                                                                                                                                                    | 5         |
| 5. Rủi ro khác .....                                                                                                                                                                                                                                                                            | 5         |
| <b>II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH.....</b>                                                                                                                                                                                                                | <b>6</b>  |
| 1. Tổ chức Niêm yết - Công ty Cổ phần Bao bì PP .....                                                                                                                                                                                                                                           | 6         |
| 2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội .....                                                                                                                                                                                                              | 6         |
| <b>III. CÁC KHÁI NIỆM .....</b>                                                                                                                                                                                                                                                                 | <b>7</b>  |
| <b>IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT .....</b>                                                                                                                                                                                                                                     | <b>8</b>  |
| 1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....                                                                                                                                                                                                                                              | 8         |
| 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty .....                                                                                                                                                                                                                                                             | 11        |
| 3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty .....                                                                                                                                                                                                                                                          | 12        |
| 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ.....                                                                                                                                                                       | 15        |
| 5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết (thời điểm 30/09/2009): ..... | 16        |
| 6. Hoạt động kinh doanh.....                                                                                                                                                                                                                                                                    | 16        |
| 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2007- Quý 3 năm 2009.....                                                                                                                                                                                                                     | 24        |
| 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành .....                                                                                                                                                                                                                       | 26        |
| 9. Chính sách đối với người lao động.....                                                                                                                                                                                                                                                       | 27        |
| 10. Chính sách cổ tức .....                                                                                                                                                                                                                                                                     | 27        |
| 11. Tình hình tài chính.....                                                                                                                                                                                                                                                                    | 28        |
| 12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng.....                                                                                                                                                                                                                    | 32        |
| 13. Tài sản.....                                                                                                                                                                                                                                                                                | 40        |
| 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo.....                                                                                                                                                                                                                                             | 41        |
| 15. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức .....                                                                                                                                                                                                                           | 43        |
| 16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu.....                                                                                                                                                                                  | 44        |
| <b>V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT .....</b>                                                                                                                                                                                                                                                            | <b>45</b> |
| 1. Loại chứng khoán .....                                                                                                                                                                                                                                                                       | 45        |
| 2. Mệnh giá .....                                                                                                                                                                                                                                                                               | 45        |
| 3. Tổng số chứng khoán niêm yết.....                                                                                                                                                                                                                                                            | 45        |
| 4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty.....                                                                                                                                                                                                 | 45        |
| 5. Phương pháp tính giá .....                                                                                                                                                                                                                                                                   | 46        |
| 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài: .....                                                                                                                                                                                                                                    | 46        |
| 7. Các loại thuế có liên quan:.....                                                                                                                                                                                                                                                             | 46        |
| <b>VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT.....</b>                                                                                                                                                                                                                                          | <b>47</b> |
| 1. Tổ chức Tư vấn .....                                                                                                                                                                                                                                                                         | 47        |
| 2. Tổ chức Kiểm toán .....                                                                                                                                                                                                                                                                      | 47        |
| <b>VII. PHỤ LỤC .....</b>                                                                                                                                                                                                                                                                       | <b>48</b> |

## **I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO**

### **1. Rủi ro về kinh tế**

Trong những năm qua, nền kinh tế Việt Nam đã đạt những tiến bộ vượt bậc, tốc độ tăng trưởng GDP trung bình trong các năm từ 2002 - 2007 là 7,8%. Đặc biệt trong năm 2007, tăng trưởng GDP của Việt Nam lên tới 8,48%, mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 1 thập kỷ qua. Hơn thế nữa, năm 2007 cũng là năm đánh dấu mốc son Việt Nam trở thành thành viên thứ 150 của Tổ chức Thương mại thế giới (WTO), điều này chứng tỏ nền kinh tế Việt Nam đã từng bước hội nhập sâu rộng với nền kinh tế thế giới.

Cùng với những lợi ích từ việc hội nhập với nền kinh tế thế giới, Việt Nam cũng đang phải đối mặt với những thách thức và khó khăn do việc hội nhập mang lại, điển hình là cuộc khủng hoảng kinh tế thế giới bùng phát từ Mỹ. Tỷ lệ lạm phát ở Việt Nam năm 2008 lên đến 19,89%<sup>1</sup>, trong khi tốc độ tăng trưởng GDP 2008 đã có dấu hiệu suy giảm chỉ đạt mức 6,23% so với mức 8,48% năm 2007.

Bước sang năm 2009, tỷ lệ tăng trưởng GDP của Việt Nam chỉ đạt 5,32%, tốc độ lạm phát cũng chỉ còn 6,88%. Hậu quả cuộc khủng hoảng năm 2008 đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến nền kinh tế, làm giảm mạnh sức cầu đối với nhiều ngành nghề. Những biến động thất thường của nền kinh tế sẽ là thách thức lớn đối các doanh nghiệp nói chung và Công ty nói riêng

Tốc độ phát triển của nền kinh tế có ảnh hưởng trực tiếp đến nhu cầu tiêu thụ xi măng. Khi nền kinh tế tăng trưởng nhanh thì nhu cầu xây dựng lớn và nhu cầu tiêu thụ xi măng tăng mạnh kéo theo nhu cầu về vỏ bao xi măng tăng lên. Ngược lại, khi nền kinh tế đình trệ, nhu cầu tiêu thụ xi măng giảm sẽ có ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành sản xuất bao bì xi măng.

### **2. Rủi ro về luật pháp**

Là một doanh nghiệp hoạt động theo Luật doanh nghiệp Việt Nam, hoạt động của Công ty phải tuân thủ theo các quy định của các văn bản pháp luật về Luật doanh nghiệp. Ngoài ra, khi trở thành công ty đại chúng và niêm yết cổ phiếu trên thị trường chứng khoán, công ty phải tuân theo Luật chứng khoán, các văn bản pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán. Luật và các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này đang trong quá trình hoàn thiện, sự thay đổi về mặt chính sách sẽ ít nhiều ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của doanh nghiệp.

Đến nay, Việt Nam đã chính thức trở thành thành viên của Tổ chức thương mại thế giới nên sẽ tiến hành từng bước những cải tổ về hành lang pháp lý phù hợp với thông lệ quốc tế. Quá trình chỉnh sửa, hướng dẫn các văn bản Luật kéo dài và có nhiều văn bản chồng chéo gây khó khăn trong hoạt động của doanh nghiệp. Do vậy, những biến động về pháp luật đều tác động đến hoạt động SXKD của Công ty, đặc biệt là thuế nhập khẩu nguyên liệu.

Do đó, nhằm hạn chế rủi ro, Công ty luôn chú trọng nghiên cứu, nắm bắt các quy định mới của pháp luật, theo sát đường lối, chủ trương của Đảng và Nhà nước cũng như pháp luật để từ đó xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh phù hợp cho từng thời kỳ.

### **3. Rủi ro hoạt động kinh doanh**

#### **3.1 Rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu**

Hiện nay, nguyên liệu chính (hạt nhựa PP, giấy Kraft, ...) của ngành sản xuất bao bì nhựa trong nước nói chung và của Công ty nói riêng chủ yếu được nhập khẩu từ Hàn Quốc, Ả Rập, Thái Lan, Malaysia, Mỹ, ... Do đó, những sự biến động về kinh tế - chính trị của các nước này sẽ ảnh hưởng trực tiếp tới nguồn nguyên vật liệu đầu vào của Công ty.

<sup>1</sup> Nguồn: Tổng cục Thống kê Việt Nam <http://www.gso.gov.vn/default.aspx?tabid=413&thangtk=12/2008>

Bên cạnh đó, các nguyên liệu này là chế phẩm từ dầu khí vì vậy việc dự đoán được biến động trên thị trường nguyên liệu cần phải nắm biến động của giá dầu cũng như nhu cầu nguyên liệu nhựa tại những nước xuất khẩu lớn cũng như chính trong nước. Trên thực tế, sự biến động tăng giá nguyên liệu đầu vào trên thế giới trong thời gian qua đã gây ra những khó khăn trực tiếp tới hoạt động của các doanh nghiệp sản xuất trong ngành nhựa.

Do nguyên vật liệu đầu vào chiếm tỷ trọng lớn (khoảng 65 - 70% giá thành sản phẩm) trong giá thành sản phẩm nên biến động giá cả nguyên vật liệu cũng tác động lớn đến kết quả kinh doanh của Công ty. Vì vậy, rủi ro biến động giá nguyên liệu đầu vào là một rủi ro lớn đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và Công ty rất khó khăn trong việc xây dựng kế hoạch sản xuất kinh doanh dài hạn.

Để hạn chế những ảnh hưởng do nguyên nhân này, Công ty luôn chủ động nghiên cứu thị trường, có chiến lược hợp lý trong việc đặt mua nguyên vật liệu ở những thời điểm giá tốt và dự trữ nguồn nguyên vật liệu để có thể đảm bảo hoạt động sản xuất được tiến hành liên tục và đạt hiệu quả cao. Ngoài ra, Công ty còn xem xét các chiến lược liên quan đến việc bán hàng như đàm phán với các khách hàng về việc tăng giá bán, mở rộng và tăng cường hoạt động marketing phục vụ khâu bán hàng.

### **3.2 Rủi ro tỷ giá**

Hiện nay, những nguyên vật liệu chính là hạt nhựa PP và giấy Kraft được nhập khẩu từ nước ngoài do trong nước chưa sản xuất được. Chính vì vậy, sự biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng mạnh đến giá của những nguyên vật liệu này và sẽ tác động tăng chi phí sản xuất của Công ty. Đây là rủi ro khách quan và Công ty cũng sẽ điều chỉnh giá đầu vào cũng như điều chỉnh giá bán. Tuy nhiên từ năm 2010, việc Nhà máy lọc dầu Dung Quất đi vào hoạt động và cung cấp hạt nhựa PP cho ngành nhựa Việt Nam sẽ làm giảm rủi ro về lãi suất và tỷ giá.

### **3.3 Rủi ro cạnh tranh**

Lĩnh vực bao bì nhựa màng ghép là lĩnh vực có tiềm năng phát triển rất lớn nên ngày càng có nhiều doanh nghiệp tham gia vào lĩnh vực này. Ngoài ra, sản phẩm của HAIPAC còn chịu sự cạnh tranh rất lớn của hàng nhập khẩu từ các nước tiên tiến trên thế giới.

Mặc dù vậy, với lợi thế về thương hiệu cùng với trình độ kỹ thuật hiện đại cũng như chiến lược phát triển trong tương lai, HAIPAC hoàn toàn có thể tự tin vào khả năng cạnh tranh của mình trước các đối thủ cạnh tranh trong và ngoài nước. Nhìn chung, việc ngày càng có nhiều đối thủ cạnh tranh sẽ làm giảm thị phần của HAIPAC, nhưng với những lợi thế sẵn có của mình, HAIPAC có đủ năng lực để kiểm soát được rủi ro này.

Theo nghiên cứu của Hiệp hội Nhựa Thành phố Hồ Chí Minh, tốc độ tăng trưởng của nhu cầu đầu ra của ngành trung bình là 25%-30%/năm, nhưng khả năng cung cấp (đầu tư mới máy móc thiết bị) của toàn ngành chỉ tăng từ 10%-15%/năm. Tốc độ tăng giữa cung và cầu lệch nhau, đầu ra vẫn lớn hơn đầu vào nên là một lợi thế lớn của ngành bao bì nhựa, do đó rủi ro về cạnh tranh trong thời gian trước mắt không quá lớn.

## **4. Rủi ro về biến động giá chứng khoán**

Giá của một loại cổ phiếu tại từng thời điểm được xác định bởi cung cầu trên thị trường, mối quan hệ cung cầu này lại phụ thuộc vào nhiều yếu tố mang tính kinh tế lẫn tâm lý của nhà đầu tư. Thực hiện việc niêm yết cổ phiếu trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội đồng nghĩa với việc giá cổ phiếu của Công ty sẽ chịu sự tác động của nhiều yếu tố như: kết quả hoạt động kinh doanh, tâm lý nhà đầu tư, tình hình kinh tế, điều kiện thị trường sự hiểu biết của nhà đầu tư đối với Công ty và thị trường chứng khoán, ...

## **5. Rủi ro khác**

Một số rủi ro mang tính bất khả kháng, ít có khả năng xảy ra, nhưng nếu xảy ra thì sẽ tác động đến tình hình kinh doanh của Công ty, đó là những hiện tượng thiên tai (hạn hán, bão lụt, động đất, ...), chiến tranh hay dịch bệnh hiểm nghèo xảy ra trên quy mô lớn.

## **II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**

### **1. Tổ chức Niêm yết - Công ty Cổ phần Bao bì PP**

- ❖ Ông Mai Văn Bình Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc
- ❖ Bà Nguyễn Thúy Hiền Chức vụ: Kế toán trưởng
- ❖ Bà Nguyễn Thị Hải Yến Chức vụ: Trưởng Ban Kiểm soát

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

### **2. Tổ chức tư vấn - Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội**

- ❖ Đại diện: Bà Nguyễn Thanh Hương Chức vụ: Giám đốc Khối Dịch vụ Ngân hàng Đầu tư

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký niêm yết do Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn tại Hà Nội (SSI) tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Bao bì PP. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Bao bì PP cung cấp.

### III. CÁC KHÁI NIỆM

|               |                                         |
|---------------|-----------------------------------------|
| ❖ UBCKNN      | Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước             |
| ❖ SGDCKHN     | Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội         |
| ❖ TTCK        | Thị trường chứng khoán                  |
| ❖ Công ty     | Công ty Cổ phần Bao bì PP               |
| ❖ Điều lệ     | Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì PP       |
| ❖ SSI         | Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn     |
| ❖ Giấy CNĐKKD | Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh      |
| ❖ ĐHĐCĐ       | Đại hội đồng cổ đông                    |
| ❖ BKS         | Ban Kiểm soát                           |
| ❖ BGĐ         | Ban Giám đốc                            |
| ❖ CK          | Chứng khoán                             |
| ❖ TSCĐ        | Tài sản cố định                         |
| ❖ KT – KCS    | Kỹ thuật – Kiểm tra chất lượng sản phẩm |
| ❖ Thuế TNDN   | Thuế Thu nhập doanh nghiệp              |
| ❖ CĐ          | Cổ đông                                 |
| ❖ ĐVT         | Đơn vị tính                             |
| ❖ CBCNV       | Cán bộ, công nhân viên                  |

#### **IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT**

##### **1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

###### **1.1 Thông tin chung**

- ❖ Tên gọi: Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Tên giao dịch: PP PACK MARKING JOINT STOCK COMPANY
- ❖ Tên viết tắt: HAIPAC
- ❖ Địa chỉ: Số 263, Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng
- ❖ Điện thoại: (84.31) 3783.922 Fax: (84.31) 3835.506
- ❖ Website: [www.haipacpp.com](http://www.haipacpp.com)



- ❖ Logo:
- ❖ Lĩnh vực hoạt động kinh doanh:

Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0203000436 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21/04/2003 và đăng ký thay đổi lần thứ 2 ngày 06/11/2009.

  - Sản xuất sản phẩm bao bì các loại từ chất dẻo;
  - Sản xuất bao bì carton sóng, phẳng;
  - Kinh doanh vật tư, thiết bị phục vụ cho ngành bao bì chất dẻo và bao bì giấy;
  - Xây dựng nhà các loại;
  - Xây lắp công trình kỹ thuật dân dụng khác; Xây dựng công nghiệp, dân dụng;
  - Chuẩn bị mặt bằng;
- ❖ Vốn điều lệ (30/09/2009): 38.800.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ tám trăm triệu đồng)

###### **1.2 Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

###### **Quá trình hình thành và phát triển**

- ❖ Công ty Cổ phần Bao bì PP tiền thân là Nhà máy Bao bì PP Hải Phòng, được thành lập theo Quyết định số 69/QĐ-UB ngày 14/01/1993 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng.
- ❖ Ngày 29/04/1997, theo Quyết định số 691/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân Thành phố Hải Phòng, Xí nghiệp Bao bì Hải Phòng sáp nhập vào Nhà máy Bao bì PP Hải Phòng.
- ❖ Năm 2003, Nhà máy bao bì PP Hải Phòng chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Bao bì PP.

###### **Các thành tích**

- ❖ Quyết định của Chủ tịch nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam tặng huân chương lao động hạng 3 số 565/2002/QĐ/CTN ngày 29/08/2002.

- ❖ Từ năm 1993 đến năm 2008 hàng năm Công ty được UBND Thành phố Hải Phòng tặng bằng khen đã có thành tích hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ công tác.

**Quá trình tăng giảm vốn điều lệ**

| Thời gian       | Vốn điều lệ (đồng) | Phương thức                                                                                           |
|-----------------|--------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Ngày 17/04/2003 | 8.200.000.000      | Chuyển đổi cổ phần hóa theo Quyết định số 815/QĐ-UB ngày 17/04/2003 của UBND TP Hải Phòng             |
| Ngày 12/03/2007 | 28.000.000.000     | Phát hành cho Cổ đông hiện hữu, CBCNV, cổ đông chiến lược, phát hành riêng lẻ (có bảo lãnh phát hành) |
| Ngày 30/09/2009 | 38.800.000.000     | Phát hành riêng lẻ cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng – Nhơn Trạch         |

Nguồn: Công ty Cổ phần Bao bì PP

**1. Đợt 1: Chuyển đổi cổ phần hóa**

- Theo Quyết định số 815/QĐ-UB ngày 17/04/2003 của UBND TP Hải Phòng về việc chuyển đổi Nhà máy Bao bì PP thành Công ty Cổ phần Bao bì PP; Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203000436 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21/04/2003:
- Vốn điều lệ: 8.200.000.000 đồng
- Số lượng cổ đông: 251 người

**2. Đợt 2: Phát hành tăng vốn điều lệ lên 28 tỷ đồng**

- Căn cứ Biên bản họp ĐHĐCĐ ngày 03/02/2007 và Nghị quyết ĐHĐCĐ ngày 03/02/2007
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 198.000 cổ phần (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám nghìn cổ phần)
- Tổng giá trị cổ phần phát hành: 19.800.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười chín tỷ tám trăm triệu đồng)
- Mục đích phát hành: Đầu tư nhà máy giấy kraft công suất 15.000 tấn năm và đầu tư day chuyển sản xuất bao bì PP số 4
- Ngày chốt danh sách cổ đông: 30/12/2006
- Đối tượng phát hành: Cổ đông hiện hữu, CBCNV, cổ đông chiến lược, phát hành riêng lẻ (có bảo lãnh phát hành)

| STT | Tỷ lệ phân bổ quyền                                                                                                                                  | Số lượng cổ phần                   | Giá phát hành (đồng/cổ phần) | Ghi chú |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|------------------------------|---------|
| 1   | Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 1:1                                                                                                        | 82.000                             | 125.000                      |         |
| 2   | Phát hành cho CBCNV                                                                                                                                  | 35.750                             |                              |         |
|     | • Thành viên chủ chốt: <ul style="list-style-type: none"><li>✓ Thành viên Hội đồng quản trị</li><li>✓ Ban Kiểm soát</li><li>✓ Ban Giám đốc</li></ul> | 30.750<br>13.000<br>5.700<br>1.900 | 145.000                      |         |

| STT | Tỷ lệ phân bổ quyền                                                           | Số lượng<br>cổ phần | Giá phát hành<br>(đồng/cổ phần) | Ghi chú |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------|---------------------|---------------------------------|---------|
|     | ✓ Trưởng các Phòng ban/Bộ phận<br>• CBCNV công tác từ 1/1/2003 đến 31/12/2006 | 10.150<br>5.000     | 125.000                         |         |
| 3   | Phát hành cho cổ đông chiến lược                                              | 10.450              |                                 |         |
|     | • Cổ đông chiến lược                                                          | 5.000               | 160.000                         |         |
|     | • Cổ đông Ngân hàng Ngoại thương Hải Phòng                                    | 5.450               | 145.000                         |         |
| 4   | Phát hành riêng lẻ cho 10 cổ đông có bảo lãnh phát hành                       | 69.800              | 180.000                         |         |
|     | <b>Cộng</b>                                                                   | <b>198.000</b>      |                                 |         |

- Kết quả phát hành:
  - Số lượng cổ phần phát hành: 198.000 cổ phần (Bằng chữ: Một trăm chín mươi tám nghìn cổ phần)
  - Tổng số tiền thu được: 28.918.600.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám triệu chín trăm mười tám nghìn sáu trăm đồng)
  - Số lượng cổ phiếu quỹ: 2.280 cổ phần (do CBCNV công tác từ 01/01/2003 đến ngày 31/12/2006 không mua được chuyển nhượng thành cổ phiếu quỹ)
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 12/03/2007
- Vốn điều lệ: 28.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai mươi tám tỷ đồng)
- Cổ phiếu quỹ: 2.280 cổ phần (mệnh giá 100.000 đồng/cổ phần)
- Ngày 28/05/2008, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã có công văn số 1010/UBCK-QLPH về việc chào bán cổ phiếu ra công chúng, theo đó:
  - UBCKNN thực hiện việc nhắc nhở Công ty đã thực hiện đợt chào bán cổ phiếu ra công chúng năm 2007 tăng vốn từ 8,2 tỷ đồng lên 28 tỷ đồng, trong khi chưa đủ điều kiện, vi phạm quy định tại Khoản 1 Điều 12 Luật Chứng khoán.
  - UBCK đã chấp thuận Công ty là công ty đại chúng và lưu ý Công ty đối với các đợt chào bán tiếp theo Công ty phải tuân thủ đúng các quy định pháp luật hiện hành.

### 3. Đợt 3: Phát hành tăng vốn điều lệ lên 38,8 tỷ đồng

- Căn cứ Biên bản họp và Nghị quyết ĐHCĐ bất thường Công ty Cổ phần Bao bì PP ngày 01/07/2009
- Ngày 15/09/2009 UBCK NN đã có thông báo trên Website về việc nhận được đầy đủ tài liệu báo cáo phát hành cổ phiếu riêng lẻ của Công ty Cổ phần Bao bì PP.
- Loại cổ phần: Cổ phần phổ thông, tự do chuyển nhượng
- Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phần
- Số lượng cổ phần phát hành: 1.080.000 cổ phần (Bằng chữ: Một triệu không trăm tám mươi nghìn cổ phần)
- Tổng giá trị cổ phần phát hành: 10.080.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tỷ không trăm tám mươi triệu đồng)
- Hình thức phát hành: Phát hành riêng lẻ
- Mục đích phát hành: Mua lại 1.080.000 cổ phần của các cổ đông hiện hữu

của Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng – Nhơn Trạch.

- Giá phát hành: 16.525 đồng/ cổ phần
- Đối tượng phát hành: Các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng – Nhơn Trạch sẽ chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng – Nhơn Trạch cho Công ty Cổ phần Bao bì PP.
- Danh sách và khối lượng phát hành cụ thể cho các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng – Nhơn Trạch theo Nghị quyết HĐQT ngày 14/07/2009 của Công ty Cổ phần Bao bì PP, cụ thể:

| STT | Đối tượng mua cổ phiếu                      | Số lượng phát hành |
|-----|---------------------------------------------|--------------------|
| 1   | Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thăng Long | 470.000            |
| 2   | Phạm Huy Dân                                | 235.000            |
| 3   | Bùi Tố Hùng                                 | 90.000             |
| 4   | Trần Văn An                                 | 100.000            |
| 5   | Nguyễn Viết Thắng                           | 70.000             |
| 6   | Cao Thị Lan                                 | 40.000             |
| 7   | Nguyễn Thị Hải Yến                          | 25.000             |
| 8   | Dương Thọ Quỳnh Hương                       | 20.000             |
| 9   | Mai Thanh Quế                               | 15.000             |
| 10  | Nguyễn Hồng Kỳ                              | 15.000             |
|     | <b>Tổng số</b>                              | <b>1.080.000</b>   |

- Kết quả phát hành:
  - Tổng số cổ phiếu đã phân phối: 1.080.000 cổ phần (Bằng chữ: Một triệu không trăm tám mươi nghìn cổ phần) chiếm 100% tổng số cổ phiếu phát hành dự kiến.
  - Tổng số tiền thu được: 17.847.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười bảy tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu đồng)
- Ngày hoàn thành đợt phát hành: 30/09/2009
- Vốn điều lệ: 38.800.000.000 đồng (Bằng chữ: Ba mươi tám tỷ tám trăm triệu đồng).
- Cổ phiếu quỹ: Không

## 2. Cơ cấu tổ chức của Công ty

### ❖ Trụ sở chính:

Số 263, Trần Nguyên Hãn, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, TP Hải Phòng  
Điện thoại: (84.31) 3 783 922 Fax: (84.31) 3 835 506

### ❖ Xí nghiệp trực thuộc:

#### ▪ Xí nghiệp 01:

Địa chỉ: Số 263 Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng  
Điện thoại: (84.31) 3 783 922 Fax: (84.31) 3 835 506

#### ▪ Xí nghiệp 2:

Địa chỉ: Số 97 Đình Nhu, Phường Niệm Nghĩa, Quận Lê Chân, TP. Hải Phòng

Điện thoại: (84.31) 3 835 391

▪ **Xí nghiệp 3:**

Địa chỉ: Thị trấn Trường Sơn, Huyện An Lão, TP. Hải Phòng

Điện thoại: (84.31) 2 241 979

▪ **Xí nghiệp 4:**

Địa chỉ: Thửa 12 KCN Nhơn Trạch II, Lộc Khang, Tỉnh Đồng Nai

Điện thoại: (84.61) 3 569 706

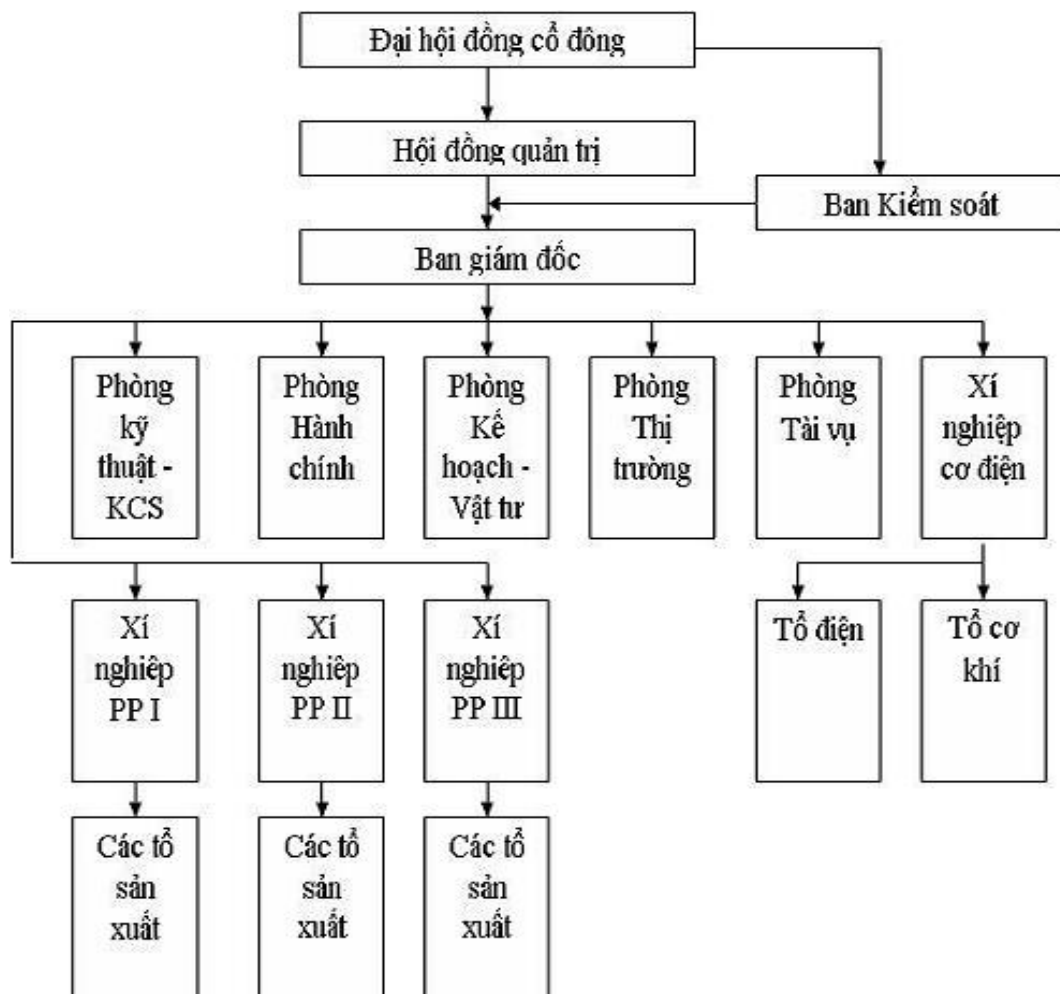
Fax: (84.61) 3 569 707

### 3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty

Công ty Cổ phần Bao bì PP được tổ chức và hoạt động tuân thủ theo:

- ❖ Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2005 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- ❖ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006 của Quốc hội Nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
- ❖ Điều lệ Công ty Cổ phần Bao bì PP (Theo Điều lệ mẫu dành cho công ty niêm yết được Đại hội đồng cổ đông bất thường thông qua ngày 02 tháng 11 năm 2009.

Sơ đồ 1. Sơ đồ bộ máy quản lý Công ty Cổ phần Bao bì PP



❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng Cổ đông là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty. Đại hội đồng Cổ đông quyết định tổ chức lại và giải thể Công ty, quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng Quản trị, thành viên Ban Kiểm soát.

❖ **Hội đồng quản trị**

Hội đồng Quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông bầu ra gồm 5 thành viên.

❖ **Ban Kiểm soát**

Ban Kiểm soát do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty.

❖ **Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc, do Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty và có trách nhiệm triển khai các chương trình hành động và các nghị quyết của HĐQT trong năm kế hoạch, đồng thời điều hành các hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

❖ **Các phòng, ban**

▪ **Phòng Tổ chức – Hành chính - Bảo vệ**

- ✓ Tham mưu giúp Ban giám đốc về mặt công tác tổ chức quản lý cán bộ công nhân viên, các vấn đề thuộc chủ trương chính sách chế độ người lao động
- ✓ Xây dựng kế hoạch chi phí tiền lương của Công ty, thực hiện hướng dẫn công tác an toàn lao động và quyền lợi của từng người.
- ✓ Nghiên cứu các chính sách của nhà nước ban hành về các chế độ quyền lợi của người lao động để tổ chức và chăm lo phục vụ tốt hơn.
- ✓ Lập các kế hoạch về lao động tiền lương, đào tạo, qui hoạch cán bộ, nhu cầu tuyển dụng lao động, bảo hộ lao động, bảo hộ lao động cho từng năm, chi phí hành chính.
- ✓ Xây dựng các định mức lao động, đơn giá sản phẩm, qui chế trả lương và phân phối thu nhập.
- ✓ Quản trị và bảo vệ tài sản, kho tàng.
- ✓ Giữ gìn trật tự an ninh chung và hướng dẫn phòng cháy cháy nổ.
- ✓ Làm các công việc khác liên quan đến công tác hành chính quản trị

▪ **Phòng Kế toán**

- ✓ Đề xuất tổ chức bộ máy kế toán, thống kê phù hợp loại hình sản xuất, qui trình sản xuất của công ty.
- ✓ Tham gia nghiên cứu xây dựng phương án sản phẩm, cải tiến quản lý kinh doanh
- ✓ Phổ biến và hướng dẫn thi hành các chính sách, chế độ liên quan tới công tác kế toán, tài chính và thống kê.
- ✓ Cung cấp đầy đủ toàn bộ thông tin về hoạt động kinh tế, tài chính của Công ty nhằm giúp Ban giám đốc điều hành và quản lý các hoạt động kinh tế, tài chính đạt kết quả cao.
- ✓ Đề xuất và biên soạn các qui chế quản lý nội bộ có liên quan trình Ban Giám đốc ban hành

- ✓ Căn cứ vào kế hoạch sản xuất kinh doanh của công ty để lập kế hoạch thu chi tài chính, kế hoạch tín dụng tháng, quý, năm.
  - ✓ Có biện pháp quản lý các loại vốn, sử dụng hợp lý nhằm phục vụ kịp thời cho SXKD đạt hiệu quả cao nhất, quay vòng vốn nhanh nhất, bảo toàn và phát triển vốn.
  - ✓ Tham gia thảo luận, ký kết các hợp đồng kinh tế, theo dõi quá trình thực hiện bảo đảm thanh quyết toán kịp thời
  - ✓ Theo dõi, rà soát công nợ của công ty với bên ngoài và giữa bên ngoài với công ty cung cấp kịp thời cho Phòng Kế hoạch Vật tư và Thị trường về số nợ của người mua đã quá hạn để có biện pháp thu hồi nợ.
  - ✓ Giúp Giám đốc tổ chức phân tích hoạt động kinh tế của công ty theo định kỳ quý, năm
  - ✓ Thực hiện các công tác kế toán theo đúng qui định của Nhà nước
- **Phòng Kế hoạch Vật tư và Thị trường**
- ✓ Tham mưu giúp Ban giám đốc trong công tác kế hoạch sản xuất kinh doanh, cung cấp nguyên vật liệu phục vụ sản xuất; bảo quản và xuất kho các sản phẩm cho công ty sản xuất..
  - ✓ Bán và tiêu thụ các sản phẩm của công ty tại thị trường trong nước và nước ngoài.
  - ✓ Kiểm tra việc sử dụng tiết kiệm vật tư, phấn đấu hạ giá thành sản phẩm và nâng cao doanh thu cho Công ty.
  - ✓ Phối hợp cùng với Phòng Kỹ thuật KCS nghiên cứu mặt hàng mới và mở rộng thị trường.
- **Phòng Kỹ thuật KCS**
- ✓ Giúp Ban giám đốc trong công việc định mức vật tư và kiểm tra chất lượng sản phẩm.
  - ✓ Đôn đốc hướng dẫn các phòng ban và các xí nghiệp thực hiện mọi biện pháp nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm theo đúng qui trình công nghệ của Công ty.
  - ✓ Cùng Phòng Kế hoạch Vật tư và Thị trường nghiên cứu mặt hàng mới, nâng cao chất lượng sản phẩm, nghiên cứu phát triển các sản phẩm mới
  - ✓ Quản lý kỹ thuật sản xuất, thiết bị máy móc, điện nước; quản lý kỹ thuật xây dựng cơ bản và đầu tư; kỹ thuật an toàn lao động và vệ sinh công nghiệp.
  - ✓ Quản lý chất lượng vật tư đầu vào, chất lượng bán thành phẩm và sản phẩm do công ty sản xuất.
  - ✓ Gia công chế tạo phụ tùng phục vụ S/C; phối hợp thực hiện việc s/c các thiết bị máy móc cùng với thợ sửa chữa của các đơn vị khác.
- **Xí nghiệp cơ điện**
- ✓ Lập kế hoạch bảo dưỡng hệ thống thiết bị hàng tuần, hàng tháng, hàng quý, hàng năm.
  - ✓ Đảm bảo cho các thiết bị hoạt động tốt phục vụ cho kế hoạch sản xuất hàng ngày, tuần, tháng, năm. Không để các thiết bị phải ngừng sản xuất.
- **Xí nghiệp sản xuất bao gồm các tổ sản xuất:**
- ✓ Tổ chức và thực hiện sản xuất theo đúng chức năng và nhiệm vụ trong quy trình sản xuất.
  - ✓ Sử dụng và bảo quản trang bị, thiết bị vật tư được giao để phục vụ cho việc thực hiện hoàn thành kế hoạch sản xuất
  - ✓ Thực hiện bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị máy móc của phân xưởng
  - ✓ Thực hiện một số công việc khác do Giám đốc giao
  - ✓ Tổ tạo sợi, Tổ dệt, Tổ tráng, Tổ in, Tổ lồng bao, Tổ gấp val, sườn, Tổ hoàn chỉnh và Tổ ép kiện.

#### 4. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ cổ phần nắm giữ

Bảng 1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty thời điểm 06/11/2009

| TT | Cổ đông                                     | Số cổ phần<br>(Cổ phần) | Giá trị theo mệnh<br>giá (VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) |
|----|---------------------------------------------|-------------------------|--------------------------------|--------------|
| 1  | Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thăng Long | 837.000                 | 8.370.000.000                  | 21,57%       |
| 2  | Phạm Duy Dân                                | 279.920                 | 2.799.200.000                  | 7,21%        |
| 3  | Mai Văn Bình                                | 205.700                 | 2.057.000.000                  | 5,3%         |

Nguồn: Sổ cổ đông ngày 06/11/2009 của Công ty Cổ phần Bao bì PP

Bảng 2. Danh sách cổ đông sáng lập và tỷ lệ nắm giữ của Công ty

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh công ty cổ phần số 0203000436 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21/04/2003 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 06/11/2009

| STT | Tên cổ đông sáng lập                                                                    | Giá trị vốn<br>góp (Tr.đ) | Tỷ lệ<br>(%) | Loại cổ<br>phần |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------------|-----------------|
| 1   | Phần vốn góp của Nhà nước<br>(Chi cục Quản lý vốn và Tài sản doanh nghiệp TP Hải Phòng) | 1.600                     | 19,50        | Phổ thông       |
| 2   | Phần vốn góp cổ đông là người lao động của doanh nghiệp<br>- Đại diện: Ông Mai Văn Bình | 4.601                     | 56,10        | Phổ thông       |
| 3   | Phần vốn góp cổ đông là người ngoài doanh nghiệp<br>- Đại diện: Ông Lê Minh Tuấn        | 1.999                     | 24,40        | Phổ thông       |
|     | Tổng cộng                                                                               | 8.200                     | 100%         | Phổ thông       |

Nguồn: Giấy chứng nhận ĐKKD số 0203000436 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 21/04/2003 và đăng ký thay đổi lần 2 ngày 06/11/2009 của Công ty Cổ phần Bao bì PP

- ❖ Khoản 5, Điều 84, Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 ngày 29/11/2005 quy định: Trong thời hạn 03 năm kể từ ngày công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, cổ đông sáng lập có quyền tự do chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho cổ đông sáng lập khác nhưng chỉ được chuyển nhượng cổ phần phổ thông của mình cho người không phải là cổ đông sáng lập nếu được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Sau thời hạn 03 năm kể từ ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các hạn chế đối với cổ phần phổ thông của cổ đông sáng lập đều được bãi bỏ.

Công ty Cổ phần Bao bì PP được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 21/04/2003. Như vậy, đến nay mọi hạn chế chuyển nhượng của cổ đông sáng lập đã được bãi bỏ.

Bảng 3. Cơ cấu cổ đông của Công ty tại thời điểm 06/11/2009

| Nội dung      | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%) |
|---------------|------------------|------------------|-----------|
| Nhà nước:     |                  |                  |           |
| Tổ chức:      | 5                | 1.148.000        | 29,59%    |
| + Trong nước: | 5                | 1.148.000        | 29,59%    |
| + Ngoài nước: | 0                | 0                | 0 %       |

| Nội dung       | Số lượng cổ đông | Số lượng cổ phần | Tỷ lệ (%)   |
|----------------|------------------|------------------|-------------|
| Cá nhân:       | 271              | 2.732.000        | 70,41%      |
| + Trong nước:  | 271              | 2.732.000        | 70,41%      |
| + Ngoài nước:  | 0                | 0                | 0 %         |
| <b>Tổng số</b> | <b>276</b>       | <b>3.880.000</b> | <b>100%</b> |

Nguồn: Sổ cổ đông ngày 06/11/2009 của Công ty Cổ phần Bao bì PP

**5. Danh sách những Công ty mẹ và Công ty con của tổ chức đăng ký niêm yết, những Công ty mà tổ chức đăng ký niêm yết đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức đăng ký niêm yết (thời điểm 30/09/2009):**

**5.1 Công ty mẹ**

Không có

**5.2 Công ty con**

Theo Nghị quyết ĐHĐCĐ bất thường lần 1 năm 2009 ngày 01/07/2009, Công ty đã thực hiện phát hành riêng lẻ cổ phiếu tăng vốn cho đối tượng là các cổ đông hiện hữu của Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng – Nhơn Trạch và sau đó các cổ đông này sẽ thực hiện chuyển nhượng cổ phiếu Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng – Nhơn Trạch cho Công ty nâng tỷ lệ sở hữu của Công ty Cổ phần Bao bì PP trong Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng – Nhơn Trạch từ 31,11% lên 91,11%.

Tại thời điểm 30/09/2009, Công ty và các cổ đông của Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng – Nhơn Trạch đang tiến hành các thủ tục chuyển nhượng phần vốn, đồng thời Công ty cũng hoàn thiện các thủ tục pháp lý về đăng ký kinh doanh để tiến hành hợp nhất Báo cáo tài chính vào thời điểm 31/12/2009.

❖ Một số thông tin về Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng – Nhơn Trạch:

- Tên công ty: Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng – Nhơn Trạch
- Địa chỉ: Khu công nghiệp Nhơn Trạch – Huyện Nhơn Trạch – Tỉnh Đồng Nai
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000390 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp lần đầu ngày 15/06/2007 và thay đổi lần 1 số 4703000390 ngày 17/11/2008.
- Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 47221000292 ngày 05/11/2007.
- Vốn điều lệ thực có: 18.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Mười tám tỷ đồng chẵn).
- Ngành nghề kinh doanh:
  - o Sản xuất bao bì đựng xi măng với quy mô khoảng 30 triệu sản phẩm/năm
- Người đại diện: Ông Mai Văn Bình - Chủ tịch HĐQT

**6. Hoạt động kinh doanh**

**6.1 Sản phẩm chính của Công ty**

**Mô tả sản phẩm**

Công ty Cổ phần Bao bì PP là đơn vị đầu tiên ở Phía Bắc đầu tư hệ thống máy móc thiết bị hiện đại của Cộng hoà Áo đạt tiêu chuẩn chất lượng Châu Âu. Công ty Cổ phần Bao bì PP đã đi vào

hoạt động từ năm 1993 và có rất nhiều kinh nghiệm trong ngành sản xuất bao bì PP, không chỉ cung cấp bao bì cho khách hàng, công ty còn tư vấn giúp khách hàng lựa chọn chủng loại, kích cỡ bao bì phù hợp nhất, tiết kiệm nhất cho nhu cầu của mình.

Hiện tại, số lượng chủng loại hàng hoá của Công ty đã lên tới hàng trăm loại sản phẩm với kích cỡ, màu sắc, mẫu in khác nhau theo yêu cầu của khách hàng. Một số hàng chính của Công ty gồm:

- ❖ Thiết kế và sản xuất các loại vỏ bao xi măng như: KPK, PK, PKK có in, gấp hông, may val hoàn chỉnh hoặc bán thành phẩm.
- ❖ Các loại vỏ bao đựng phân bón như: phân lân, NPK, URE, phân Kali, phân bón hữu cơ vi sinh...
- ❖ Các loại vỏ bao đựng hoá chất như: CaCo<sub>3</sub>, than, bột giặt, muối, ...
- ❖ Các loại vỏ bao phức hợp BOPP với giấy hoặc với PP đựng lương thực, thực phẩm như: thức ăn nuôi tôm, thức ăn gia súc, hạt giống các loại, đường, muối, gạo...
- ❖ Các loại vỏ bao PP trắng và không trắng phục vụ đóng gói trong các ngành: thức ăn chăn nuôi, nông sản thực phẩm, phân bón và hoá chất...
- ❖ Bao Container/BigBag/FIBC/Jumbo 500kg, 750kg, 1000kg, 1500kg, 2000kg với tiêu chuẩn Châu Âu 5:1.
- ❖ Các loại túi màng mỏng PE, HDPE.
- ❖ Chuyên sản xuất hạt phụ gia Taical cho ngành bao bì PP, ngành thổi túi nylon.
- ❖ Các loại vỏ bao đặc chủng khác theo yêu cầu của khách hàng



Bảng 4. Tỷ trọng doanh thu của các sản phẩm

| Sản phẩm          | 2007                      |                 | Năm 2008                  |                 | 9T/2009                   |                 |
|-------------------|---------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|
|                   | Doanh thu<br>(triệu đồng) | Tỷ trọng<br>(%) | Doanh thu<br>(triệu đồng) | Tỷ trọng<br>(%) | Doanh thu<br>(triệu đồng) | Tỷ trọng<br>(%) |
| Thành phẩm        | 136.794,7                 | 67,61%          | 168.309,9                 | 83,25%          | 108.050,6                 | 83,54           |
| Kinh doanh vật tư | 65.541,9                  | 32,39%          | 33.853,1                  | 16,75%          | 21.283,9                  | 16,46           |
| Doanh thu khác    | 0,00                      | 0,00%           | 0,00                      | 0,00%           |                           |                 |
| <b>Tổng số</b>    | <b>202.336,6</b>          | <b>100,00%</b>  | <b>202.163,0</b>          | <b>100,00%</b>  | <b>129.334,5</b>          | <b>100%</b>     |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 9T/2009 của Công ty Cổ phần Bao bì PP

Bảng 5. Cơ cấu lợi nhuận gộp của các sản phẩm

| Sản phẩm | 2007 | Năm 2008 | 9T/2009 |
|----------|------|----------|---------|
|----------|------|----------|---------|

|                   | Lợi nhuận<br>(Triệu đồng) | Tỷ trọng<br>(%) | Lợi nhuận<br>(Triệu đồng) | Tỷ trọng<br>(%) | Lợi nhuận<br>(triệu đồng) | Tỷ trọng<br>(%) |
|-------------------|---------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|---------------------------|-----------------|
| Thành phẩm        | 9.639,5                   | 87,02           | 14.551,7                  | 86,38           | 7.563,8                   | 74,9            |
| Kinh doanh vật tư | 1.437,5                   | 12,98           | 2.294,7                   | 13,62           | 2.534,0                   | 25,1            |
| Lợi nhuận khác    |                           |                 |                           |                 |                           |                 |
| <b>Tổng số</b>    | <b>11.077</b>             | <b>100</b>      | <b>16.846,4</b>           | <b>100</b>      | <b>10.097,8</b>           | <b>100</b>      |

*Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 9T/2009 của Công ty Cổ phần Bao bì PP*

## 6.2 Nguyên liệu

### Nguyên liệu

Nguyên vật liệu dùng sản xuất vỏ bao xi măng được chia thành 02 nhóm là nguyên vật liệu chính và nguyên vật liệu phụ. Nguyên vật liệu chính bao gồm các loại hạt nhựa PP và giấy Kraft dùng để chế tạo vỏ bao xi măng. Nguyên vật liệu phụ bao gồm mực in, dung môi, chỉ may và các chất phụ gia có vai trò hỗ trợ trong quy trình sản xuất.

Bảng 6. Danh mục các nhà cung cấp nguyên vật liệu

*Đơn vị: Triệu đồng*

| STT | Nhà cung cấp                                    | Năm<br>2007 | Năm<br>2008 |                  |
|-----|-------------------------------------------------|-------------|-------------|------------------|
| I   | Công ty Giấy Hoàng Văn Thụ                      | 6.392,82    | 4.164,5     | Nguyên liệu Giấy |
| II  | Công ty Cổ phần BITECO Nam Long                 | 1.254,56    | 1.215,15    | Chỉ PE/PP        |
| III | Công ty Cổ phần Mực in Á Châu                   | -           | 653.33      | Mực in           |
|     | Công ty Cổ phần Sản xuất TM DV Đức Quân         | 1,850.77    | 2,087.60    |                  |
|     | Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Minh Phương | 1,769.31    | 1,293.60    |                  |

*Nguồn: Công ty Cổ phần Bao bì PP*

### Sự ổn định của các nguồn cung cấp này:

Các nhà cung cấp các loại nguyên liệu chính, phụ chủ yếu để sản xuất ra sản phẩm Công ty thường chọn theo tiêu chuẩn có nguồn hàng có chất lượng tốt tính ổn định cao, sẵn sàng đáp ứng khi có nhu cầu đặt hàng, có mức giá cạnh tranh nhất.

Các loại vật tư nguyên liệu chính như hạt nhựa, giấy là mặt hàng nhập khẩu Công ty luôn chọn dòng sản phẩm có chất lượng tốt nhất của các hãng có tên tuổi; Với uy tín thanh toán đầy đủ và đúng hạn, Công ty luôn tạo được mối quan hệ tốt đẹp, bền vững với các đối tác cung ứng nguyên vật liệu. Do đó, nguồn nhập khẩu các loại nguyên liệu chính luôn dồi dào và ổn định. Tuy nhiên, để đảm bảo cho việc có nguồn hàng gối đầu kịp thời nếu có trường hợp các nhà cung cấp truyền thống nghỉ hàng bao giờ Công ty cũng luôn tìm kiếm thêm những đối tác mới cung cấp những nguyên liệu tương ứng để có hướng dự phòng và có hình thức chuyển đổi hướng sử dụng phù hợp.

Các loại nguyên vật liệu phụ như hạt phụ gia, mực in, dung môi, chỉ may... chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản xuất. Đây là những loại nguyên vật liệu sẵn có trên thị trường, vì vậy nguồn cung cấp những mặt hàng này lớn và rất ổn định, ít có khả năng biến động trong thời gian tới.

### Ảnh hưởng của sự biến động giá nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận:

Nhập khẩu hoàn toàn nguyên vật liệu chính (hạt nhựa PP, giấy Kraft) là đặc điểm chung của các

công ty sản xuất bao bì từ chất dẻo. Trong cơ cấu giá thành sản phẩm, các nguyên vật liệu này chiếm tỷ trọng rất cao, từ 65% – 70%; do đó, việc giá nguyên vật liệu nhập khẩu biến động sẽ ảnh hưởng mạnh đến chi phí sản xuất sản phẩm của Công ty và kéo theo đó là lợi nhuận của công ty.

Để giảm thiểu sự ảnh hưởng của biến động giá nguyên vật liệu nhập khẩu đối với hoạt động sản xuất kinh doanh, Công ty luôn chủ động trong việc nghiên cứu về tình hình thị trường, lên kế hoạch nhập khẩu và dự trữ nguồn nguyên vật liệu trong những thời điểm thuận lợi để đảm bảo sự liên tục của hoạt động sản xuất kinh doanh và mục tiêu tối đa hóa lợi nhuận.

Các loại nguyên vật liệu phụ như hạt phụ gia, mực in, dung môi, chỉ may... chiếm tỷ trọng nhỏ trong tổng giá thành sản xuất nên sự biến động về giá không ảnh hưởng nhiều đến hoạt động sản xuất của Công ty. Hơn nữa, do sự phong phú của nguồn nguyên vật liệu này trên thị trường, Công ty luôn tìm được nguồn cung cấp với giá cả cạnh tranh.

Bảng 7. Sự biến động giá cả một số nguyên liệu chủ yếu

| TT | Nguyên liệu         | Đơn vị | 2007   | 2008   | 9T/2009 |
|----|---------------------|--------|--------|--------|---------|
| 1  | Hạt nhựa pp tạo sợi | Tấn/kg | 21.105 | 25.580 | 18.891  |
| 2  | Hạt nhựa pp trắng   | Tấn/kg | 21.766 | 26.428 | 19.557  |
| 3  | Giấy kraft          | Tấn/kg | 7.673  | 9.311  | 8.959   |

Nguồn: Công ty Cổ phần Bao bì PP

### 6.3 Chi phí sản xuất

Bảng 8. Cơ cấu chi phí sản xuất của Công ty

| STT              | Yếu tố chi phí    | Năm 2007               |            | Năm 2008               |            | 9T/2009                |            |
|------------------|-------------------|------------------------|------------|------------------------|------------|------------------------|------------|
|                  |                   | Giá trị (đồng)         | Tỷ lệ (%)  | Giá trị (đồng)         | Tỷ lệ (%)  | Giá trị (đồng)         | Tỷ lệ (%)  |
| 1                | Giá vốn hàng bán  | 191.259.561.222        | 96,10      | 185.316.562.995        | 94,25      | 119.236.758.460        | 95,97      |
| 2                | Chi phí tài chính | 2.730.638.861          | 1,37       | 5.574.211.852          | 2,84       | 996.398.494            | 0,80       |
| 3                | Chi phí bán hàng  | 2.751.037.743          | 1,38       | 3.129.551.791          | 1,59       | 2.165.308.894          | 1,74       |
| 4                | Chi phí QLDN      | 2.287.787.677          | 1,15       | 2.595.845.673          | 1,32       | 1.845.743.506          | 1,49       |
| <b>Tổng cộng</b> |                   | <b>199,029,025,503</b> | <b>100</b> | <b>196.616.172.311</b> | <b>100</b> | <b>124.244.209.354</b> | <b>100</b> |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 9T/2009 của Công ty Cổ phần Bao bì PP

### 6.4 Hệ thống phân phối

Công ty có thị trường trải rộng từ miền Bắc đến miền Nam, thương hiệu của HAI PAC được xây dựng từ năm 1992 cho đến nay và đã được biết đến trong cả nước.

Công ty đã xây dựng được hệ thống khách hàng lớn từ nhiều năm nay: Công ty Xi măng Chinfon Hải Phòng, Công ty Xi măng Lafarge tại Đồng Nai, Công ty Xi măng Hệ Dưỡng thuộc tập đoàn Lucky Đài Loan, Công ty phân lân Văn Điển. Công ty phân lân Ninh Bình, Công ty đạm Hà Bắc, Công ty thức ăn chăn nuôi ANT Đài Loan, Công ty thức ăn chăn nuôi AF Hoa Kỳ, Công ty thức ăn chăn nuôi EH Trung Quốc, Công ty thức ăn Cargill Hoa Kỳ, ... Tại hội nghị khách hàng hàng năm, công ty được khách hàng đánh giá cao về tính chuyên nghiệp trong ngành sản xuất bao bì từ chất dẻo, thời gian giao hàng đúng tiến độ, hậu mãi sau bán hàng chu đáo, thay đổi mẫu mã nhanh khi có nhu cầu của khách hàng yêu cầu, chất lượng sản phẩm của công ty luôn ổn định với giá bán cạnh tranh.

Thị phần hiện nay của công ty tại phía Bắc và phía Nam:

- Phía Bắc: mỗi năm công ty cung cấp cho thị trường 60.000.000 bao các loại.
- Phía Nam: mỗi năm công ty cung cấp cho thị trường 15- 20 triệu bao xi măng các loại.

Để giữ được thị phần công ty đã xây dựng được văn hoá trong sản xuất kinh doanh luôn lấy chất

lượng sản phẩm với giá cả hợp lý là sự tồn tại và phát triển của công ty, từ nhiều năm công ty luôn hoạt động đạt 90% - 100% công suất thiết bị hiện có, khách hàng lâu năm được giữ vững và mở rộng được nhiều các khách hàng mới, đảm bảo công ăn việc làm cho hơn 400 lao động và người lao động yên tâm làm việc tại công ty lâu dài.

Công ty luôn có chủ trương mở rộng các quan hệ khách hàng mới cũng như việc giữ mối quan hệ với các khách hàng truyền thống bằng các phương thức chịu trách nhiệm đến cùng về chất lượng sản phẩm của mình, cùng với khách hàng giải quyết những vấn đề phát sinh khi đưa sản phẩm vào sử dụng.

#### **6.5 Hoạt động marketing và tình hình nghiên cứu sản phẩm mới**

Chính sách của công ty là mọi nhân viên của công ty đều có trách nhiệm đóng vai trò là một nhân viên marketing giới thiệu về Công ty và sản phẩm của mình làm ra. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên nghiên cứu nhu cầu thị trường để hoàn thiện sản phẩm và dịch vụ, đảm bảo thỏa mãn kịp thời nhu cầu của khách hàng trên tinh thần hợp tác phát triển.

#### **6.6 Trình độ công nghệ**

Hệ thống thiết bị công nghệ của Công ty được nhập ngoại của Cộng hoà Liên bang Đức hiện đại tiên tiến nhất Việt Nam tại thời điểm năm 1992 và cho đến 30/9/2009 công ty đã phát triển mở rộng đầu tư thiết bị, hiện nay công ty có 4 dây chuyền tiến tiến sản xuất bao bì PP và tham gia góp 91% vốn để thành lập Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhơn Trạch tại KCN Nhơn Trạch 2 Lộc Khang Đồng Nai từ năm 2007 với vốn điều lệ 18 tỷ đồng. Công ty đã đi vào hoạt động từ tháng 7/2008 cho ra sản phẩm đạt tiêu chuẩn chất lượng cao và sản phẩm được cung cấp cho thị trường phía Nam.



**Máy tạo sợi STAREX**  
**Công suất cao**



**Máy dệt 4 thoi**  
**Chuyên sản xuất bao ống, bao xi măng**



**Máy dệt 6 thoi**



**Chuyên sản xuất bao ống, bao xi măng**



**Máy dệt 8 thoi**

**Chuyên sản xuất bao Container, BigBag, Jumbo**

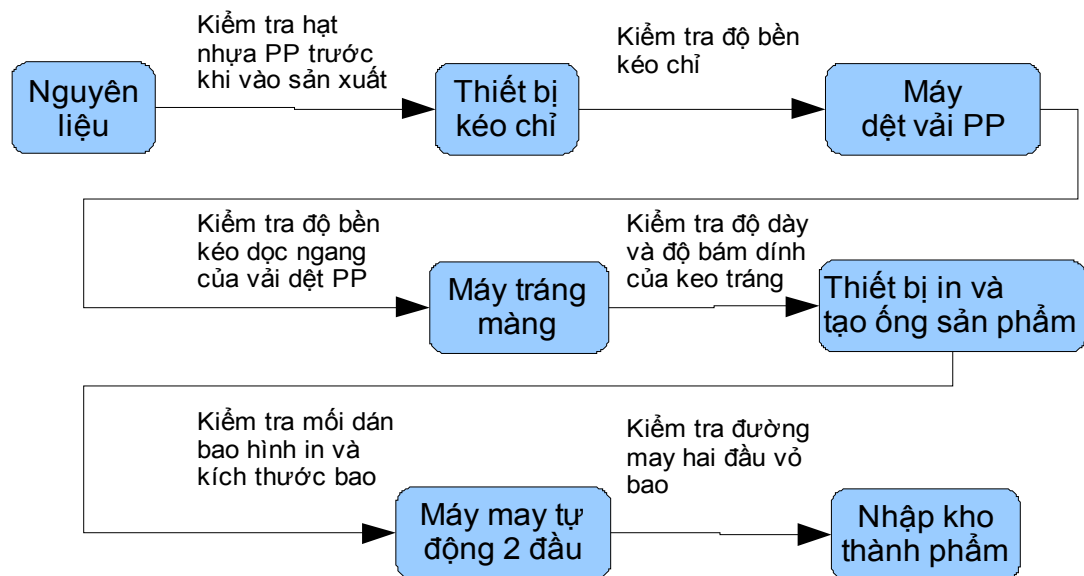


**Máy tráng**

**Chuyên tráng vải ống, vải mờ, tráng BOPP, giấy Kraft**

**6.7 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm**

Sơ đồ 2. Quy trình sản xuất sản phẩm



Nguồn: Công ty Cổ phần Bao bì PP

**Quy trình sản xuất**

❖ **Tạo sợi PP:**

Nguyên liệu đầu vào là hạt nhựa PP (PP Yarn) được kiểm tra nhằm cân chỉnh các thông số của toàn bộ dây chuyền cho phù hợp trước khi đưa vào máy tạo sợi. Hạt nhựa sau khi đun nóng sẽ được chuyển qua máy đùn thành màng mỏng. Màng nhựa được cắt thành từng sợi nhỏ, kéo dẫn để tạo độ chắc cần thiết và cuộn thành cuộn sợi. Các cuộn sợi sẽ liên tục được lấy mẫu để thí nghiệm về các tiêu chuẩn kỹ thuật như độ mịn, bền kéo và đàn hồi.

❖ **Dệt vải PP:**

Các cuộn sợi đạt yêu cầu được đưa vào máy dệt tròn để dệt thành các cuộn vải. Các cuộn vải sẽ được kiểm mẫu để đảm bảo các thông số về định lượng vải, độ bền kéo, đàn hồi ngang dọc. Các cuộn vải đạt yêu cầu sẽ được chuyển sang công đoạn tráng màng hoặc đưa qua máy in, cắt may để tạo sản phẩm hoàn thiện tùy theo đặc tính từng loại sản phẩm.

❖ **Tráng màng PP:**

Các cuộn vải dệt được đưa qua máy tráng để tráng một lớp nhựa PP (PP Lami) nhằm tăng độ bền và sức chịu đựng của vải. Có nhiều sản phẩm tráng trên thiết bị in này: tráng ống, tráng phủ lớp giấy Kraft để làm vỏ bao xi măng, tráng ghép màng OPP... Các cuộn vải thành phẩm được kiểm tra kỹ lưỡng các tiêu chuẩn về kích thước cuộn, độ bám dính và định lượng tráng trước khi chuyển sang công đoạn tiếp theo.

❖ **In, tạo ống sản phẩm và may:**

Các cuộn vải KP đạt yêu cầu được đưa vào máy in (in logo của khách hàng và các thông số kỹ thuật), tạo ống sản phẩm và may 02 đầu bao. Tại khâu này, chất lượng may được kiểm tra kỹ thông qua việc kiểm tra loại chỉ may, bước chỉ may, gấu may....

❖ **Đóng bao, ép kiện và nhập kho thành phẩm:**

Các vỏ bao sau khi được may xong sẽ được kiểm tra chặt chẽ về toàn bộ các chỉ tiêu từ công đoạn đầu đến công đoạn hoàn thiện sản phẩm trước khi nhập kho thành phẩm.

❖ Do làm tốt khâu kiểm tra kỹ thuật nên chất lượng sản phẩm của Công ty luôn ổn định, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật của khách hàng

### **Hệ thống quản lý chất lượng**

Đối với các nguyên liệu chính, vật tư đầu vào cán bộ KCS tiến hành kiểm tra về số lượng, chủng loại, chất lượng... theo các quy định kiểm tra vật tư cũng như chỉ tiêu chất lượng của từng loại vật tư được kiểm. Nếu kết quả đạt yêu cầu so với các quy định đề ra, cán bộ KCS ghi kết quả vào các biên bản kiểm tra và báo cho các đơn vị liên quan làm các thủ tục nhập kho và sắp xếp vào vị trí quy định.

Tại các công đoạn sản xuất, Công ty luôn thực hiện công tác ba kiểm: (i) công nhân tự kiểm sản phẩm do mình sản xuất; (ii) là KCS kiểm tra; (iii) là cán bộ quản lý sản xuất trực tiếp kiểm tra do đó đã hạn chế thấp nhất các sai hỏng của sản phẩm (có file kiểm tra chất lượng từng công đoạn gửi kèm). Cụ thể:

- ❖ Tại các công đoạn sản xuất, công nhân tự kiểm tra sản phẩm do mình làm ra theo thông số kỹ thuật của từng công đoạn theo bước công nghệ tương ứng. Nếu sản phẩm không đạt yêu cầu, báo tổ trưởng phụ trách xử lý tìm nguyên nhân sai hỏng, biện pháp khắc phục phòng ngừa. Nếu sản phẩm đạt yêu cầu thì sẽ chuyển sang các công đoạn tiếp theo.
- ❖ Trưởng ngành và KCS phải thường xuyên kiểm tra chất lượng sản phẩm trong quá trình sản xuất. Nhất là tại các bước công nghệ quan trọng thì cán bộ KCS tổ chức kiểm tra theo các quy định kiểm tra trong quy trình kiểm tra tương ứng với bộ phận sản xuất tại vị trí đó.
- ❖ Tất cả các sản phẩm cuối cùng của Công ty đều được xác định rõ các mức chỉ tiêu chất lượng trong các đơn hàng, hợp đồng đã ký kết với khách hàng với chi tiết yêu cầu kỹ thuật của từng loại sản phẩm cụ thể. Với các lô sản phẩm sau khi được nghiệm thu đạt yêu cầu chất lượng của hợp đồng đã ký kết sẽ được lập biên bản nghiệm thu và nhập kho thành phẩm.

Công ty có áp dụng định mức tiêu hao nguyên vật liệu và thường xuyên được định kỳ định mức lại. Hiệu quả của việc áp dụng định mức trên giúp cho Lãnh đạo công ty kiểm soát được tình hình sản xuất, tình hình tiêu hao nguyên vật liệu, giám sát khống chế tỷ lệ phế lỗi,... của Công ty đưa được

ra mức giá thành hợp lý để cạnh tranh trên thị trường

Để thực hiện việc giám sát chất lượng sản phẩm, ngay từ khi Công ty đi vào sản xuất, P.KT-KCS đã được thành lập với các chức năng chính cơ bản sau:

- ❖ Tham mưu với lãnh đạo Công ty về các lĩnh vực kỹ thuật, công nghệ
- ❖ Theo dõi công tác sáng kiến cải tiến hợp lý hoá sản xuất
- ❖ Tham gia cùng các phòng ban chức năng lập các luận chứng kinh tế kỹ thuật và đầu tư đổi mới công nghệ trang thiết bị phục vụ cho sản xuất
- ❖ Tham gia công tác đào tạo và tổ chức thi nâng bậc cho công nhân
- ❖ Tham gia công tác giám sát tỷ lệ phế lỗi của Công ty
- ❖ Theo dõi và quản lý thiết bị đo
- ❖ Phòng gồm có 10 người tổ chức đi theo ca sản xuất của tất cả các công đoạn

## 6.8 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền-

### Nhãn hiệu hàng hóa và Logo



- ❖ Nhãn hiệu hàng hóa này đã được Cục Sở hữu Trí tuệ - Bộ Khoa học và Công nghệ Môi trường cấp Giấy chứng nhận số 61267 ngày 21/03/2005.

Trong đó,



- Mẫu nhãn hiệu:
- Màu sắc nhãn hiệu: Đỏ, vàng, xanh dương
- Loại nhãn hiệu: Thông thường
- Nội dung khác: Nhãn hiệu được bảo hộ tổng thể. Không bảo hộ riêng hình địa cầu
- Danh mục sản phẩm/ Dịch vụ mang nhãn hiệu: Nhóm 16 Các loại bao bì từ chất dẻo, giấy và giấy các-tông

## 6.9 Các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm

Bảng 9. Các khách hàng có hợp đồng lớn tiêu thụ sản phẩm lớn của Công ty trong năm 2007 – 9T/2009

| STT | Tên khách hàng có hợp đồng dài hạn với Công ty     | Doanh số 2007 | Doanh số 2008 | Doanh số 9T/2009 |
|-----|----------------------------------------------------|---------------|---------------|------------------|
| I   | <b>Vỏ bao xi măng</b>                              |               |               |                  |
|     | Công ty Xi măng CHINFON                            | 17.511        | 19.417        | 18.957           |
|     | Công ty Cổ phần kỹ thuật XD và vật liệu XD (COTEC) | 9.187         | 2.127         |                  |
|     | Công ty Cổ phần Xi măng Trung Hải - Hải Dương      | 4.055         | 4.236         | 1.793            |
|     | Công ty Xi măng Hệ Dưỡng                           | 4.785         | 7.922         | 5.152            |
|     | Công ty Liên doanh Xi măng LAFARGE                 | 4.571         | 14.389        | 9.389            |
|     | Công ty Cổ phần KTXD và VLXD Xi măng Việt          |               | 3.026         |                  |
|     | Công ty Liên doanh Xi măng Holcim                  | 31.120        |               |                  |
|     | Công ty Cổ phần 77                                 | 4.705         | 1.314         | 689              |
|     | Công ty cổ phần Hoàng Thạch (Vải XM)               |               |               | 11.664           |
| II  | <b>Phân bón, hoá chất</b>                          |               |               |                  |

| STT                                                | Tên khách hàng có hợp đồng dài hạn với Công ty          | Doanh số 2007 | Doanh số 2008 | Doanh số 9T/2009 |
|----------------------------------------------------|---------------------------------------------------------|---------------|---------------|------------------|
|                                                    | Công ty Phân lân Ninh Bình                              | 13.603        | 23.779        | 13.264           |
|                                                    | Công ty Phân lân nung chảy Văn Điển                     | 18.350        | 28.225        | 15.232           |
|                                                    | Công ty Liên doanh Đá vôi Yên Bái                       | 1.983         | 2.876         | 1.830            |
|                                                    | Công ty Cổ phần Hoá chất Minh Đức                       | 2.419         | 3.912         | 2.449            |
|                                                    | Công ty TNHH một thành viên APATIT Việt Nam             | 1.588         | 2.024         |                  |
|                                                    | Công ty Quốc tế Khánh Sinh                              | 1.313         | 1.500         | 741              |
|                                                    | Công ty TNHH MTV Phân đạm và Hóa chất Hà Bắc            |               |               | 2.746            |
| <b>III Bao nông sản thực phẩm, thức ăn gia súc</b> |                                                         |               |               |                  |
|                                                    | Công ty TNHH ANT                                        | 17.933        | 26.791        | 11.711           |
|                                                    | Công ty TNHH CARGILL Việt Nam                           | 2.026         | 8.945         | 6.252            |
|                                                    | Công ty TNHH một thành viên phân đạm và hoá chất Hà Bắc |               | 4.185         | 834              |
|                                                    | Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp I Hải Phòng          | 972           | 421           | 1.073            |
|                                                    | Công ty Cổ phần giống cây trồng TU                      | 1.563         | 1.505         |                  |
|                                                    | Công ty Giống cây trồng Thái Bình                       | 1.640         | 1.244         | 1.719            |
|                                                    | CTy TNHH TACN và nông nghiệp EH Việt Nam                | 6.293         | 4.723         | 2.790            |
|                                                    | Công ty thức ăn chăn nuôi Hoa kỳ                        | 5.508         | 4.746         | 2.548            |

Nguồn: Công ty Cổ phần Bao bì PP

## 7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giai đoạn 2007- Quý 3 năm 2009

### 7.1 Một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh giai đoạn 2007- Quý 3 năm 2009

Bảng 10. Chỉ tiêu hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

ĐVT: Đồng

| STT | Chỉ tiêu                               | 2007            | 2008            | 9T/2009         |
|-----|----------------------------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| 1   | Tổng giá trị tài sản                   | 109.719.011.809 | 76.540.183.656  | 104.781.489.543 |
| 2   | Doanh thu thuần                        | 202.336.633.517 | 202.163.054.523 | 129.334.500.162 |
| 3   | Lợi nhuận từ hoạt động SXKD            | 4.539.986.543   | 6.534.423.733   | 7.142.989.652   |
| 4   | Lợi nhuận khác                         | 168.671.429     | 462.476.993     | 21.895.455      |
| 5   | Lợi nhuận kế toán trước thuế           | 4.708.657.972   | 6.996.900.726   | 7.164.885.107   |
| 6   | Chi phí thuế TNDN hiện hành            | 659.212.116     | 1.991.437.308   | 1.422.221.277   |
| 8   | Lợi nhuận sau thuế                     | 4.049.445.856   | 5.005.463.418   | 5.742.663.830   |
| 9   | Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế để trả cổ tức | 68,58%          | 44,38%          |                 |

Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008, Báo cáo tài chính 9T/2009 của Công ty Cổ phần Bao bì PP

❖ Ý kiến của đơn vị kiểm toán trong Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 của Công ty:

Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Việt Nam đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Bao bì PP.

Ý kiến của Kiểm toán viên

- Như đã nêu tại Thuyết minh số IV.14, năm 2008, Công ty đã tiến hành lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho số tiền là 5.127.010.979 đồng. Đối với nguyên liệu tồn kho, giá trị dự kiến thu hồi được Công ty xác định trên cơ sở giá bình quân của các lô hàng nhập gần nhất và tham khảo thêm giá thị trường tại thời điểm trính lập. Đối với thành phẩm tồn kho, giá trị dự kiến thu hồi Công ty xác định bằng 80% đến 85% giá bán dự tính sẽ thực

hiện. Theo đó, chúng tôi không đưa ra nhận xét tính đầy đủ, tính giá trị của khoản mục Dự phòng giảm giá hàng tồn kho trên Báo cáo tài chính và ảnh hưởng của chúng tới các khoản mục khác trên Báo cáo tài chính.

- Như đã trình bày tại Thuyết minh số IV.14, tại thời điểm 31/12/2008, Công ty có một khoản công nợ khó có khả năng thu hồi số tiền là 235.615.286 đồng trong đó số phải trích lập dự phòng theo quy định tại Thông tư 13/2006/TT-BTC ngày 27/02/2006 của Bộ Tài chính là 169.966.725 đồng. Tuy nhiên, Công ty chưa trích lập dự phòng. Nếu Công ty thực hiện lập dự phòng nợ phải thu khó đòi theo quy định hiện hành thì chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2008 sẽ tăng thêm là 169.966.725 đồng và kết quả hoạt động kinh doanh năm 2008 của Công ty sẽ giảm đi một khoản tương ứng.
- Ngoài ra, chúng tôi cũng lưu ý người đọc rằng: Như đã trình bày tại Thuyết minh VII.01, năm 2008, Công ty trích Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm với tỷ lệ là 03% tính trên tổng quỹ lương là cơ sở đóng bảo hiểm xã hội năm 2008 theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính và hạch toán vào chi phí trong kỳ. Mặt khác, Luật Lao động Việt Nam quy định, Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động một nửa tháng lương cho mỗi năm làm việc trong trường hợp người lao động không tiếp tục làm việc cho Công ty. Theo đó, việc trích lập quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm như hiện nay làm Công ty không có đủ số dự phòng phải trả cho người lao động theo quy định của Luật Lao động Việt Nam. Nợ tiềm tàng phải trả cho người lao động theo quy định của Luật Lao động Việt Nam lũy kế đến 31/12/2008 chưa được phản ánh trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2008.

Theo ý kiến của Kiểm toán: ***“Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Bao bì PP tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan, ngoại trừ những ảnh hưởng (nếu có) của một số vấn đề đã nêu trong báo cáo kiểm toán”***.

- ❖ Theo Báo cáo giải trình của Công ty Cổ phần Bao bì PP có xác nhận của đơn vị kiểm toán là Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Việt Nam thì: ***các yếu tố loại trừ này không ảnh hưởng trọng yếu đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2008 của Công ty***.
- ❖ Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho kỳ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 của Công ty Cổ phần Bao bì PP được Đại hội cổ đông thường niên năm 2009 biểu quyết thông qua ngày 12/04/2009.

## **7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty**

- ❖ Công ty có thị trường trải rộng từ Miền Bắc đến Miền Nam thương hiệu của HAIPAC được xây dựng từ năm 1992 đến nay đã được 17 năm hoạt động rất nhiều kinh nghiệm trong lĩnh vực sản xuất bao bì cùng với những dàn thiết bị nhập ngoại từ Cộng hòa liên bang Đức có 4 địa chỉ sản xuất bao bì PP hoàn chỉnh với 100 máy dệt 4 thoi, 6 thoi, 8 thoi sản phẩm chất lượng cao, mẫu mã phong phú đẹp được khách hàng tin nhiệm và ưa chuộng. Công ty góp 91% vốn vào Công ty Cổ phần Bao bì Hải Phòng - Nhon Trạch cung cấp bao phía Nam. Công ty có đội ngũ cán bộ kỹ thuật và nghiệp được đào tạo chính quy tại các đại học tâm huyết với nghề, sáng kiến sáng tạo làm lợi nhiều tỷ đồng cho công ty
- ❖ Ngành sản xuất bao bì từ chất dẻo của Việt Nam luôn phải phụ thuộc vào nguồn nguyên liệu nhập ngoại, giá dầu thô tăng giảm ảnh hưởng tới giá nhựa cũng tăng giảm theo ảnh hưởng đến thực hiện KHSXKD của các doanh nghiệp trong nước cũng như nước ngoài, nhưng nhu cầu về mặt hàng từ chất dẻo ngày càng phát triển nên có chỗ đứng vững chắc trên thị trường toàn cầu.

- ❖ Công ty có đội ngũ lãnh đạo tận tình, tâm huyết, dân chủ công khai trong sản xuất kinh doanh đã tạo nên sự đoàn kết cao trong toàn công ty để luôn hoàn thành được nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên thông qua.

## 8. Vị thế của công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

### 8.1 Vị thế của Công ty

Định hướng của Công ty Cổ phần Bao bì PP phát triển trở thành công ty hàng đầu cả nước chuyên sản xuất bao bì pp chất lượng cao phục vụ trong ngành xi măng, hóa chất, thức ăn gia súc...

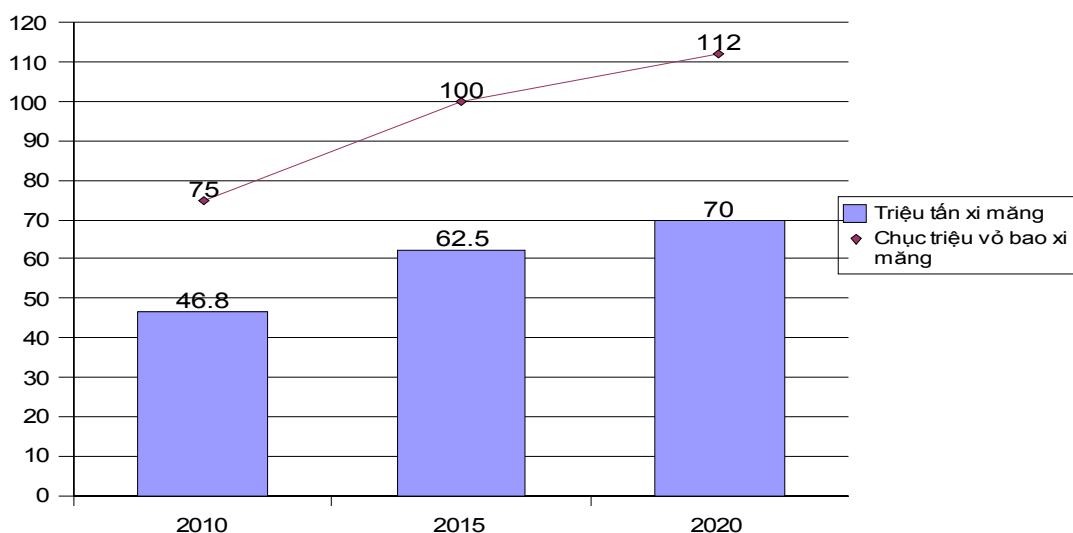
### 8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Sự phát triển của ngành xây dựng rất nhạy cảm với tốc tăng trưởng kinh tế. Khi nền kinh tế có tốc độ tăng trưởng nhanh kéo theo sự phát triển của ngành xây dựng, đặc biệt tại Việt Nam, tốc độ đô thị hóa đang diễn ra khá nhanh. Từ đây cho thấy nhu cầu về xi măng tại thị trường Việt Nam là rất lớn. Đây là điều kiện quan trọng tạo cơ hội thuận lợi cho sự phát triển của ngành sản xuất bao bì nói chung và bao bì xi măng nói riêng.

Những dấu hiệu gần đây cho thấy khủng hoảng kinh tế đang dần bị đẩy lùi và tỷ lệ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam được dự đoán là sẽ tăng nhanh trở lại và đạt mức 7% - 8% trong những năm tới. Do đó, nhu cầu xây dựng dân dụng có tiềm năng phát triển mạnh trong những năm sắp tới. Đây là cơ hội thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp xi măng cũng như ngành sản xuất bao bì xi măng.

Theo dự báo nhu cầu xi măng được Bộ Xây dựng tính toán theo từng giai đoạn, năm 2010 nhu cầu xi măng là 46,8 triệu tấn; năm 2015 là 62,5 triệu tấn và năm 2020 là 68 – 70 triệu tấn. Tính trung bình, các nhà máy xi măng ở Việt Nam đóng bao khoảng 80% sản lượng sản xuất ra. Như vậy, tổng nhu cầu vỏ bao xi măng tương ứng với từng giai đoạn sẽ là: năm 2010: 750 triệu chiếc; năm 2015: 1 tỷ chiếc và năm 2020: 1,1 tỷ chiếc

### Dự báo nhu cầu xi măng và vỏ bao xi măng



Trong những năm vừa qua, ngành xi măng của Việt Nam vẫn còn sự bảo hộ rất lớn của Nhà nước thông qua việc chi phối bởi Tổng công ty Xi măng trong việc khống chế việc khai thác nguyên liệu trong nước và kiểm soát quota nhập khẩu nguyên liệu (chủ yếu là clinker) từ nước ngoài. Tuy nhiên, bắt đầu từ năm 2006, Việt Nam thực hiện một số cam kết với Hoa Kỳ trong Hiệp định

Thương mại Việt - Mỹ (BTA) trong đó có cam kết mở cửa thị trường xi măng. Với việc thuế suất thuế nhập khẩu xi măng giảm từ 30% xuống 21% kể từ năm 2006, các công ty sản xuất xi măng trong nước sẽ đối diện với nguy cơ cạnh tranh mạnh mẽ từ xi măng nhập khẩu

## 9. Chính sách đối với người lao động

### 9.1 Cơ cấu lao động trong Công ty

Bảng 11. Cơ cấu lao động của Công ty tại thời điểm 30/09/2009

| STT         | Trình độ                | Số lượng (Người) | Tỷ lệ (%)  |
|-------------|-------------------------|------------------|------------|
| 1           | Đại học và trên đại học | 25               | 8          |
| 2           | Cao đẳng, trung cấp     | 41               | 13,2       |
| 3           | Lao động có tay nghề    | 198              | 63,9       |
| 4           | Lao động phổ thông      | 46               | 14,9       |
| <b>Tổng</b> |                         | <b>310</b>       | <b>100</b> |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Bao bì PP)

### 9.2 Chính sách đối với người lao động

Nhân lực là yếu tố quan trọng quyết định thành công của mọi doanh nghiệp. Do vậy, Công ty luôn đặt vấn đề đào tạo nhân lực và thực hiện chính sách thu hút lao động giỏi lên vị trí hàng đầu trong hoạch định chiến lược doanh nghiệp.

### 9.3 Chế độ làm việc

- ❖ Thời gian làm việc: 6 ngày/tuần, buổi sáng: đối với nhóm trực tiếp từ 6h đến 10h; nhóm gián tiếp từ 7h đến 11h. Buổi chiều từ 12h30 đến 17h.
- ❖ Nghỉ phép, lễ, Tết: Nhân viên công ty được nghỉ lễ, Tết theo đúng qui định của nhà nước.
- ❖ Nghỉ ốm, thai sản: Thời gian và chế độ được hưởng theo đúng qui định của nhà nước.
- ❖ Điều kiện làm việc: Công ty luôn cố gắng tạo điều kiện tốt nhất cho nhân viên làm việc, cụ thể, Công ty trang bị đầy đủ trang thiết bị để nhân viên làm việc. Ngoài ra, nguyên tắc an toàn lao động luôn được tuân thủ nghiêm ngặt

### 9.4 Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Chính sách đào tạo và tuyển dụng của Công ty phải đảm bảo nguyên tắc tạo nguồn lực ổn định và lâu dài đảm bảo cân đối giữa gián tiếp và trực tiếp. Đối với CBCNV hiện có, Công ty chú trọng đào tạo tại chỗ kết hợp gửi đi đào tạo các lớp cấp tốc, ưu tiên lĩnh vực tài chính và thị trường. Đối với CBCNV tuyển dụng mới, khối gián tiếp tăng cường nhân sự có trình độ chuyên môn cao cho lĩnh vực nghiên cứu phát triển; đối với khối trực tiếp, Công ty chú trọng tuyển công nhân kỹ thuật có hiểu biết về cơ khí đã qua đào tạo và tiến hành đào tạo nội bộ.

### 9.5 Chính sách lương, thưởng, trợ cấp

Được chi trả căn cứ thực tế đóng góp của từng người cho hiệu quả chung của công ty. Có quy chế cụ thể được công bố tới từng CBCNV.

## 10. Chính sách cổ tức

Công ty thực hiện chi trả cổ tức theo các quy định của Luật Doanh nghiệp, các quy định về chi trả cổ tức trong Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty và các văn bản pháp lý liên quan. Công ty sẽ chi trả cổ tức cho các cổ đông khi kinh doanh có lãi và đã hoàn thành các nghĩa vụ nộp thuế, các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Kết thúc niên độ tài chính, Hội đồng quản trị có trách nhiệm xây dựng phương án phân phối lợi nhuận và trích lập các quỹ để trình Đại hội đồng cổ đông. Phương án này được xây dựng trên cơ sở lợi nhuận sau thuế mà Công ty thu được từ hoạt động kinh doanh trong năm tài chính vừa qua sau khi đã thực hiện nghĩa vụ nộp thuế và tài chính khác theo quy định của pháp luật hiện hành. Bên cạnh đó, Công ty cũng xét tới kế hoạch và định hướng kinh doanh, chiến lược đầu tư mở rộng hoạt động kinh doanh trong năm tới để đưa ra mức cổ tức dự kiến hợp lý.

Năm 2006 Công ty trả cổ tức bằng tiền đạt 15% trên vốn điều lệ, năm 2007 Công ty trả cổ tức đạt 10% trên vốn điều lệ mới (Năm 2007, Công ty tăng vốn điều lệ từ 8,2 tỷ đồng lên 28 tỷ đồng, cổ tức đạt 10% trên vốn điều lệ mới là 28 tỷ đồng. Nếu tính theo vốn điều lệ bình quân thì Công ty trả cổ tức đạt 15,4%). Năm 2008, Công ty trả cổ tức bằng tiền mặt 14,5%.

Việc chi trả cổ tức bằng tiền hoặc cổ phiếu được căn cứ tình hình thực tế về nhu cầu vốn cho SXKD của Công ty.

## **11. Tình hình tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán của Việt Nam.

### **11.1 Các chỉ tiêu cơ bản**

#### **a. Trích khấu hao TSCĐ**

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao các loại tài sản như sau:

|                       |             |
|-----------------------|-------------|
| Nhà cửa vật kiến trúc | 06 - 50 năm |
| Máy móc thiết bị      | 05 - 12 năm |
| Phương tiện vận tải   | 06 - 10 năm |
| Thiết bị văn phòng    | 03 - 08 năm |

#### **b. Mức lương bình quân**

Mức lương bình quân của Công ty được cải thiện và tăng rõ rệt theo hiệu quả sản xuất kinh doanh. Mức lương bình quân năm 2006 là 1.874.200đồng/người/tháng, năm 2007 trung bình 1.882.800 đồng/người/tháng; mức lương bình quân năm 2008 là 2.338.000đồng/người/tháng.

#### **c. Thanh toán các khoản nợ đến hạn**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản nợ và khoản vay đến hạn.

#### **d. Các khoản phải nộp theo luật định**

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản thuế theo luật thuế quy định.

#### **e. Trích lập các quỹ theo luật định**

Theo Điều lệ của Công ty, hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập các quỹ và chi trả cổ tức cho các cổ đông theo quyết định của HĐQT và ĐHĐCĐ. Mức trích lập các quỹ và mức chi trả cổ tức do HĐQT đề xuất và phải được ĐHĐCĐ.

Ngày 12/04/2009, ĐHĐCĐ thường niên đã thông qua việc trích lập các quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối năm 2008 như sau:

Bảng 12. Phân phối lợi nhuận năm 2008

| STT | Chỉ tiêu                     | Số tiền (Đồng) |
|-----|------------------------------|----------------|
| 1   | Lợi nhuận sau thuế           | 5.005.463.418  |
| 2   | Trích quỹ dự phòng tài chính | 300.000.000    |

| STT | Chỉ tiêu                       | Số tiền (Đồng) |
|-----|--------------------------------|----------------|
| 3   | Trích quỹ khen thưởng phúc lợi | 200.000.000    |
| 4   | Trả cổ tức                     | 4.026.940.000  |
| 5   | Trích quỹ đầu tư phát triển    | 357.563.523    |

(Nguồn: Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2009 Công ty Cổ phần Bao bì PP)

**f. Tổng dư nợ vay**

- ❖ Vay ngắn hạn: 24,111,953,272 đồng:

Đây chủ yếu là các khoản vay ngắn hạn ngân hàng phục vụ cho việc mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất. Thời gian vay trung bình 6 tháng, lãi suất cho vay được xác định theo thông báo của Ngân hàng tại từng thời điểm.

Tất cả các khoản vay của Công ty đều trong hạn và được thanh toán đầy đủ khi đến hạn.

- ❖ Vay dài hạn: 250.000.000 đồng

Đây là khoản vay vốn trung hạn của Ngân hàng TMCP XNK Việt Nam (Eximbank) – Chi nhánh Hải Phòng để đầu tư xe ô tô con. Tổng giá trị khoản vay là 400.000.000 đồng.

Số tiền và thời hạn trả nợ: Thanh toán hàng quý với số tiền trả nợ gốc là 50.000.000 đồng/ Quý

**g. Tình hình công nợ hiện nay:**

Bảng 13. Các khoản phải thu của Công ty

DVT: Đồng

| Chỉ tiêu                  | 31/12/2007            | 31/12/2008            | 30/09/2009            |
|---------------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
| Phải thu từ khách hàng    | 28.651.279.833        | 17.959.215.033        | 25.098.320.361        |
| Trả trước cho người bán   | 192.760.425           | 306.231.118           | 155.887.454           |
| Phải thu nội bộ ngắn hạn  |                       |                       |                       |
| Các khoản phải thu khác   | 677.760.608           | 611.258.918           | 1.721.352.739         |
| Dự phòng phải thu khó đòi |                       |                       | (237.560.704)         |
| <b>Tổng cộng</b>          | <b>29.521.800.866</b> | <b>18.876.705.069</b> | <b>26.737.999.850</b> |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 09T/2009 của Công ty Cổ phần Bao bì PP

Bảng 14. Các khoản phải trả của Công ty

DVT: Đồng

| Chỉ tiêu                               | 31/12/2007            | 31/12/2008           | 30/09/2009            |
|----------------------------------------|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| <b>Ngắn hạn</b>                        | <b>13.805.934.458</b> | <b>9.146.826.041</b> | <b>12.190.366.116</b> |
| 1. Phải trả người bán                  | 10.516.223.410        | 5.958.275.117        | 9.992.163.081         |
| 2. Người mua trả tiền trước            | 41.272.559            | 176.147.784          | 118.236.494           |
| 3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 273.371.637           | 1.314.104.162        | 662.897.060           |
| 4. Phải trả người lao động             | 921.308.319           | 643.006.047          | 449.308.832           |
| 4. Chi phí phải trả                    | 91.598.182            | 22.984.940           | -                     |
| 5. Các khoản phải trả, phải nộp khác   | 1.962.160.351         | 1.032.307.991        | 967.760.649           |
| <b>Dài hạn</b>                         | <b>-</b>              | <b>94.528.300</b>    | <b>179.652.958</b>    |
| Dự phòng trợ cấp mất việc làm          | -                     | 94.528.300           | 179.652.958           |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 09T/2009 của Công ty Cổ phần Bao bì PP

**g. Một số điểm ngoại trừ của Báo cáo tài chính Kiểm toán năm 2008:**

**1. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

- ❖ Như đã phân tích tại Điểm 3.1 Mục 3 Phần I: Rủi ro từ biến động giá nguyên vật liệu, với đặc điểm kinh doanh là chi phí nguyên vật liệu chính chiếm 65 – 70% giá thành sản phẩm, phần lớn nguồn nguyên vật liệu này đều phải nhập khẩu và để việc sản xuất kinh doanh được diễn ra ổn định và đảm bảo khả năng cung cấp sản phẩm cho các khách hàng nên hàng tháng, quý công ty đều phải có kế hoạch và nhận định thị trường để đảm bảo ổn định nguồn nguyên vật liệu phục vụ sản xuất.
- ❖ Tuy nhiên, tại thời điểm cuối năm 2008, do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới, giá cả nguyên vật liệu trên thị trường biến động quá nhanh nên phần lớn lượng hàng hóa tồn kho của công ty đều bị ảnh hưởng của việc giảm giá và Công ty đã thực hiện trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Theo Điều 20 Chuẩn mực số 02 – Chuẩn mực quy định hạch toán kế toán hàng tồn kho được ban hành theo Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31/12/2001 của Bộ Tài chính: *“Việc ước tính giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho phải dựa trên bằng chứng tin cậy thu thập được tại thời điểm ước tính. Việc ước tính này phải tính đến sự biến động của giá cả hoặc chi phí trực tiếp liên quan đến các sự kiện diễn ra sau ngày kết thúc năm tài chính, mà các sự kiện này được xác nhận với các điều kiện hiện có ở thời điểm ước tính”*.

Tuân thủ quy định trên, tại thời điểm trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty, lượng vật tư tồn kho còn tương đối lớn, nên Công ty chưa ký tiếp hợp đồng mua vật tư. Vì vậy, Công ty đã căn cứ theo mặt bằng chung tại thời điểm trích lập tham khảo giá cả thị trường và xu hướng dự kiến của thị trường trong Quý I/2009, và so sánh với mức giá của vật tư tồn kho theo lô hàng nhập gần nhất để làm căn cứ trích lập. Ví dụ:

- ✓ Trích lập dự phòng giảm giá vật tư tồn kho: Nhựa PP tạo sợi 1102K có lượng tồn kho (đến hết 31/12/2008) là: 210.000 kg với giá tồn kho bình quân là: 25.682 đ/kg, mà lô hàng nhập cuối cùng của năm 2008 vào ngày 27/11/2008 với giá: 20.280 đ/kg; Ngày 25/02/2009, Công ty nhập lô hàng đầu tiên của năm 2009 với giá 14.515 đ/kg, ngoài ra theo giá giao dịch trên thị trường thời điểm lập dự phòng là: 17.000 đ/kg => Dựa trên các căn cứ trên, Công ty đã lấy giá trích lập dự phòng giảm giá vật tư tồn kho là 17.000 đ/kg.
- ✓ Trích lập dự phòng giảm giá thành phẩm tồn kho: Công ty đã tính mức trích lập cho thành phẩm bán ra sẽ giảm giá theo giá vật tư đầu vào giảm theo tỷ lệ tính ở mức 15% - 20% dựa trên cơ sở, căn cứ như sau: (i) *Việc điều chỉnh của giá vật tư tồn kho tại thời điểm trích lập thì giá trích lập dự phòng của vật tư chính (Nhựa tạo sợi, PP tráng, giấy, ...) chiếm 30–33% giá vật tư tồn kho thực tế, mà tỷ lệ nguyên liệu chính chiếm trong giá trị của thành phẩm vỏ bao của Công ty chiếm từ 70–75%; (ii) Giá bán thực tế vỏ bao trên thị trường tại thời điểm đầu năm 2009 giảm xuống so với cuối năm 2008 giảm từ 10% –20% và còn có xu hướng tiếp tục đi xuống.*

Ngoài ra, theo Chuẩn mực số 02 có ghi *“... số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho ...”*.

Tuy nhiên, trong Báo cáo hàng tồn kho thành phẩm của Công ty thì cùng một chủng loại hàng ghi trong báo cáo nhưng bao gồm nhiều loại khác nhau (do mặt hàng vỏ bao đáp ứng theo nhu cầu của khách hàng lên đến hàng trăm loại), cụ thể: (i) cùng kích thước (nhưng trọng lượng của vỏ khác nhau); (ii) chủng loại hàng không tráng hoặc có tráng, có in (theo mẫu mã của từng đơn vị khách hàng đặt mua); (iii) cùng có lồng túi HDPE (trọng lượng túi HD cũng khác nhau); ... Do vậy, mức giá bán cũng khác nhau.

Chính vì sự phức tạp của thành phẩm của Công ty, nên việc thực hiện theo dõi từng loại riêng biệt thì sẽ khó, mất nhiều thời gian và chi phí trong quá trình hạch toán chi phí cho các sản phẩm và để

tính mức tỷ lệ trích lập giảm giá của hàng tồn kho Công ty phải tính ở mức giá bình quân tương đối căn cứ trên mức giá chung nhất so sánh với giá bán trên thị trường với sản phẩm tương đương tại thời điểm để đánh giá và giảm theo tỷ lệ giảm của vật tư chính sản xuất.

- ✓ Số tiền Công ty đã thực hiện trích lập giảm giá hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2009 là 5.127.010.979 đồng

Đến thời điểm 30/09/2009, Công ty đã hoàn thành việc hoàn nhập dự phòng hết giá trị dự phòng giảm giá hàng tồn kho tại ngày 31/12/2008.

## 2. Công nợ khó đòi:

- ✓ Năm 2007, Bộ phận Sản xuất Bao bì Giấy (*hạch toán độc lập, tiền thân trước đây là Xí nghiệp Bao bì Giấy đã sáp nhập năm 1997*) của Công ty Cổ phần Bao bì PP dừng sản xuất và giải thể, nên vẫn còn tồn tại một số khoản nợ phải thu và được chuyển sang cho Công ty Cổ phần Bao bì PP, cụ thể:

| Đối tượng                     | Số tiền (đ)        | Thời gian | Tỷ lệ (%) | Số tiền phải trích lập (đ) |
|-------------------------------|--------------------|-----------|-----------|----------------------------|
| <b>*) Phải thu khách hàng</b> | <b>228.843.636</b> |           |           | <b>165.226.605</b>         |
|                               | 316.856            | > 02 năm  | 70 %      | 221.799                    |
|                               | 37.884.326         | > 02 năm  | 70 %      | 26.519.028                 |
|                               | 52.459.313         | > 02 năm  | 70%       | 36.731.519                 |
|                               | 90.174.201         | > 02 năm  | 70%       | 63.121.941                 |
|                               | 2.366.466          | > 02 năm  | 70%       | 1.656.512                  |
|                               | 8.028.450          | > 02 năm  | 70%       | 5.619.915                  |
|                               | 13.282.500         | > 03 năm  | 100%      | 13.282.500                 |
|                               | 20.827.346         | > 02 năm  | 70%       | 14.579.142                 |
|                               | 2.298.268          | > 03 năm  | 100%      | 2.298.268                  |
|                               | 605.980            | > 03 năm  | 100%      | 605.980                    |
|                               | 600.000            | > 03 năm  | 100%      | 600.000                    |
| <b>*) Phải thu khác</b>       | <b>6.771.600</b>   |           |           | <b>4.740.120</b>           |
|                               | 6.771.600          | > 02 năm  | 70%       | 4.740.120                  |
| <b>Tổng cộng</b>              | <b>235.615.286</b> |           |           | <b>169.966.725</b>         |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Bao bì PP)

- ✓ Như vậy, thực hiện theo quy định tại Thông tư số 13/2006/TT-BTC ngày 27/2/2006 của Bộ Tài chính: Tại thời điểm 31/12/2008, số khoản công nợ khó có khả năng thu hồi của Công ty với tổng số tiền là: 235.615.286 đồng và tổng số tiền phải trích lập dự phòng là: 169.966.732 đồng.
- ✓ Tuy nhiên trên thực tế, do các khoản nợ vay này có tính lịch sử, việc thu thập các giấy tờ, tiếp xúc với các đối tượng nợ, ký Biên bản xác nhận công nợ, ... là tương đối khó khăn, nên Công ty dự kiến sẽ cố gắng thực hiện các biện pháp để thu hồi công nợ và đến kỳ Báo cáo tài chính năm 2009, khi tất cả các khoản nợ đều có thời gian quá hạn từ 03 năm trở lên mà chưa thu hồi được nợ thì Công ty sẽ thực hiện trích lập dự phòng 100%.
- ✓ Đến thời điểm 30/09/2009 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng 100% các khoản công nợ phải thu khó đòi này.

## 3. Trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm

- ✓ Tính đến 31/12/2008, Công ty Cổ phần Bao bì PP có số lao động tham gia đóng bảo hiểm xã hội là 265 người, với số tiền lương cơ bản là 3.150.845.530 đồng. Như vậy, tiền lương

bình quân là 990.863 đồng/người/tháng, thời gian lao động bình quân là 14 năm.

- ✓ Theo quy định tại Luật Lao động, nợ tiềm tàng phải trả cho người lao động của Công ty là  $(14 \text{ năm} \times 265 \text{ người} \times 990.863 \text{ đồng/người/tháng})/2 = 1.838.050.865 \text{ đồng}$ .
- ✓ Theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ Tài chính, số tiền cần trích là:  $3.150.845.530 \text{ đồng} \times 3\% \times 5 \text{ năm} = 472.641.500 \text{ đồng}$ .
- ✓ Như vậy, giữa Luật Lao động và Thông tư số 82/2003/TT-BTC đã có sự mâu thuẫn về quy định việc trích lập Quỹ Dự phòng trợ cấp mất việc làm và hiện nay Công ty Cổ phần Bao bì PP đã thực hiện trích lập Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm theo quy định tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC.
- ✓ Trong thời gian tới, khi có hướng dẫn cụ thể của Nhà nước về việc trích lập Quỹ Dự phòng trợ cấp mất việc làm, Công ty cam kết sẽ thực hiện đầy đủ theo đúng quy định. Mặt khác, Công ty đang trên đà sản xuất kinh doanh phát triển và có hiệu quả, chính vì vậy khả năng xảy ra trường hợp phải trả cho người lao động cùng một lúc như Luật Lao động quy định là hầu như không có.

## 11.2 Các chỉ tiêu tài chính cơ bản

Bảng 15. Các chỉ tiêu tài chính của Công ty

| Chỉ tiêu                                  |      | Năm 2007 | Năm 2008 |
|-------------------------------------------|------|----------|----------|
| 1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán        |      |          |          |
| + Hệ số thanh toán ngắn hạn               | Lần  | 1,37     | 1,40     |
| TSLĐ / Nợ ngắn hạn                        |      |          |          |
| + Hệ số thanh toán nhanh                  | Lần  | 0,69     | 0,78     |
| (TSLĐ – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn        |      |          |          |
| 2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn                 |      |          |          |
| + Hệ số Nợ/ Tổng tài sản                  | Lần  | 0,57     | 0,39     |
| + Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu                | Lần  | 1,36     | 0,66     |
| 3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động         |      |          |          |
| + Vòng quay hàng tồn kho                  | Vòng | 4,68     | 10,47    |
| Giá vốn hàng bán / Hàng tồn kho bình quân |      |          |          |
| + Doanh thu thuần / Tổng tài sản          | Lần  | 1,84     | 2,64     |
| 4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời          |      |          |          |
| + Hsố lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần  | %    | 2,00%    | 2,48%    |
| + Hsố lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu   | %    | 8,77%    | 10,91%   |
| + Hệ số lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản   | %    | 3,69%    | 6,54%    |
| + Hệ số lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần | %    | 2,24%    | 3,23%    |

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2007, 2008 và Báo cáo tài chính 09T/2009 của Công ty Cổ phần Bao bì PP

## 12. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

### 12.1 Thành viên Hội đồng Quản trị

Hội đồng quản trị bao gồm 5 thành viên:

- |                       |                                        |
|-----------------------|----------------------------------------|
| 1 Ông Mai Văn Bình    | Chủ tịch HĐQT                          |
| 2 Ông Mai Thúc Định   | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc |
| 3 Bà Nguyễn Thúy Hiền | Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng    |
| 4 Bà Cao Thị Lan      | Thành viên HĐQT                        |
| 5 Ông Trần Ngọc Tuấn  | Thành viên HĐQT                        |

## 1. Mai Văn Bình

- ❖ Họ và tên: Mai Văn Bình
- ❖ Số CMTND: 030234725 cấp ngày 16/11/1995 tại CA Hải Phòng
- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 15/3/1950
- ❖ Nơi sinh: Nam Định
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Nam Định
- ❖ Địa chỉ thường trú: 33/266 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng
- ❖ Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0313783922
- ❖ Trình độ văn hoá: 10/10
- ❖ Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
- ❖ Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - Từ 07/1970 đến 11/1980: Cán bộ kế hoạch Nhà máy Đóng tàu Kiến An - Hải Phòng
  - Từ 12/1980 đến 06/1989: Trưởng Phòng Kế hoạch Vật tư Nhà máy Sơn Hải Phòng
  - Từ 07/1989 đến 11/1991: Phó Giám đốc Nhà máy Sơn Hải Phòng
  - Từ 12/1991 đến 11/2000: Phó Giám đốc Xí nghiệp Gỗ 6-1 đổi tên thành Nhà máy Bao bì PP
  - Từ 12/2000 đến 03/2003: Giám đốc Nhà máy bao bì PP
  - Từ 04/2003 đến nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên qua trong tổ chức đăng ký giao dịch (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột)
  - Mai Văn Bình: sở hữu 205.700 cổ phiếu
  - Vợ Phạm Thị Thuởng: sở hữu 44.400 cổ phiếu
  - Con Mai Thúc Định: sở hữu 114.500 cổ phiếu
  - Con Mai Thị Thanh Hà: sở hữu 10.000 cổ phiếu
  - Con Mai Hương: sở hữu 57.940 cổ phiếu
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

## 2. Ông Mai Thúc Định

- ❖ Họ và tên: Mai Thúc Định
- ❖ Số CMTND: 030996553 cấp ngày 28/03/2007 tại CA Hải Phòng

- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 30/11/1977
- ❖ Nơi sinh: Hải Phòng
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Nam Định
- ❖ Địa chỉ thường trú: 33/266 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng
- ❖ Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0313783922
- ❖ Trình độ văn hoá: 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
- ❖ Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - Từ 09/1999 đến 04/2003: Cán bộ, Phó phòng Kỹ thuật KCS tại Nhà máy Bao bì PP
  - Từ 05/2003 đến 06/2006: Trưởng Phòng Kỹ thuật KCS Công ty Cổ phần Bao bì PP
  - Từ 07/2006 đến 05/2008: Phó Giám đốc kỹ thuật sản xuất Công ty Cổ phần Bao bì PP
  - Từ 06/2008 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên qua trong tổ chức đăng ký giao dịch (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột)
  - Mai Thúc Định sở hữu 114.500 cổ phiếu
  - Bố Mai Văn Bình: sở hữu 205.700 cổ phiếu
  - Mẹ Phạm Thị Thuởng: sở hữu 44.400 cổ phiếu
  - Vợ Trần Thị Thanh Hương sở hữu 12.500 cổ phiếu
  - Em Mai Thị Thanh Hà sở hữu 10.000 cổ phiếu
  - Em Mai Hương sở hữu 57.940 cổ phiếu
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

### 3. Bà Nguyễn Thúy Hiền

- ❖ Họ và tên: Nguyễn Thúy Hiền
- ❖ Số CMTND: 031224034 cấp ngày 03/08/1999 tại CA Hải Phòng
- ❖ Giới tính: Nữ
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 01/12/1960
- ❖ Nơi sinh: Hải Phòng
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam

- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Hải Phòng
- ❖ Địa chỉ thường trú: 83 Nguyễn Văn Linh, Lê Chân, Hải Phòng
- ❖ Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0313783922
- ❖ Trình độ văn hoá: 10/10
- ❖ Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán
- ❖ Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - Từ 1983 đến 1992: Kế toán Xí nghiệp Gổ 6/1
  - Từ 1993 đến 2009: Kế toán trưởng Nhà máy Bao bì PP nay là Công ty Cổ phần Bao bì PP
  - Từ 2009 đến nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên qua trong tổ chức đăng ký giao dịch (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột)
  - Nguyễn Thuý Hiền: sở hữu 69.250 cổ phiếu
  - Con Nguyễn Phương Thảo: sở hữu 2.000 cổ phiếu
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

#### 4. Bà Cao Thị Lan

- ❖ Họ và tên: Cao Thị Lan
- ❖ Số CMTND: 030042975 cấp ngày 09/03/2007 tại CA Hải Phòng
- ❖ Giới tính: Nữ
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 10/02/1962
- ❖ Nơi sinh: Hải Phòng
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Hải Phòng
- ❖ Địa chỉ thường trú: Số 90 Đường Thiên Lôi, Lê Chân, Hải Phòng
- ❖ Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0313783922
- ❖ Trình độ văn hoá: 10/10
- ❖ Trình độ chuyên môn: Đại học kế toán
- ❖ Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - Từ 1984 đến 1992: Kế toán Xí nghiệp Gổ 6/1



- Từ 1993 đến 2009: Phó Phòng Kế toán Nhà máy Bao bì PP nay là Công ty Cổ phần Bao bì PP
- Từ 2009 đến nay: Thành viên HĐQT, Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT, Phó Phòng Kế toán Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên qua trong tổ chức đăng ký giao dịch (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột)
  - Cao Thị Lan sở hữu 55.000 cổ phiếu
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

### 5. Ông Trần Ngọc Tuấn

- ❖ Họ và tên: Trần Ngọc Tuấn
- ❖ Số CMTND: 011828483 cấp ngày 05/10/2009 tại CA Hà Nội
- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 19/03/1977
- ❖ Nơi sinh: Hà Nội
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Xã Nga Trường, Huyện Nga Sơn, Tỉnh Thanh Hóa
- ❖ Địa chỉ thường trú: TT Viện Công nghiệp thông tin, Cầu Giấy, Hà Nội
- ❖ Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0435624055
- ❖ Trình độ văn hoá: 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng
- ❖ Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - Từ 9/2002 đến 12/2002: Cán bộ dự án thương mại điện tử Phòng Thương mại và công nghiệp Việt Nam
  - Từ 1/2003 đến 5/2005: Cán bộ phòng Kế hoạch tổng hợp, Phòng TCKT Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà nội
  - Từ 6/2005 đến nay: Phó Giám đốc Công ty Tài chính Handico thuộc Công ty Đầu tư và Phát triển Nhà Hà Nội.
  - Từ 2009 đến nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên qua trong tổ chức đăng ký giao dịch (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột)
  - Trần Ngọc Tuấn sở hữu 26.000 cổ phiếu

|                                               |                                                    |
|-----------------------------------------------|----------------------------------------------------|
| ❖ Hành vi vi phạm pháp luật:                  | Không                                              |
| ❖ Các khoản nợ đối với Công ty:               | Không                                              |
| ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác:          | Không                                              |
| ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: | Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty |

**12.2 Thành viên Ban kiểm soát**

| STT | Tên                   | Chức vụ                  |
|-----|-----------------------|--------------------------|
| 1   | Bà Nguyễn Thị Hải Yến | Trưởng Ban Kiểm soát     |
| 2   | Ông Bùi Tố Định       | Thành viên Ban Kiểm soát |
| 3   | Ông Vũ Tiên Phong     | Thành viên Ban Kiểm soát |

**1. Bà Nguyễn Thị Hải Yến**

|                                 |                                                     |
|---------------------------------|-----------------------------------------------------|
| ❖ Họ và tên:                    | Nguyễn Thị Hải Yến                                  |
| ❖ Giới tính:                    | Nữ                                                  |
| ❖ Ngày tháng năm sinh:          | 09/09/1971                                          |
| ❖ Nơi sinh:                     | Lai Châu                                            |
| ❖ Quốc tịch:                    | Việt Nam                                            |
| ❖ Dân tộc:                      | Kinh                                                |
| ❖ Quê quán:                     | Hải Phòng                                           |
| ❖ Số CTND :                     | 031185298 cấp ngày 27/11/1998 tại CA Hải Phòng      |
| ❖ Địa chỉ thường trú:           | 244/193 Văn Cao, Phường Đằng Lâm, Hải An, Hải Phòng |
| ❖ Điện thoại liên lạc(cơ quan): | 031.3782731                                         |
| ❖ Trình độ văn hóa:             | 12/12                                               |
| ❖ Trình độ chuyên môn:          | Đại học Kế toán                                     |
| ❖ Quá trình công tác:           |                                                     |

**Thời gian công tác****Nơi công tác**

|                     |                                                                                                |
|---------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| Từ 1992 đến 1993    | Kế toán Xí nghiệp gỗ 6-1 đổi tên thành Nhà máy Bao bì PP                                       |
| Từ 1994 đến 1996    | Kế toán Nhà máy Bao bì PP                                                                      |
| Từ 1997 đến 03/2003 | Trưởng Phòng Kế hoạch Vật tư và Thị trường Nhà máy Bao bì PP                                   |
| Từ 03/2003 đến 2009 | Trưởng Phòng Kế hoạch Vật tư và Thị trường Công ty Cổ phần Bao bì PP                           |
| Từ 2009 đến nay     | Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch Vật tư và Thị trường Công ty Cổ phần Bao bì PP |

|                                                                                                                                                                          |                                                                                                |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------|
| ❖ Chức vụ công tác hiện nay:                                                                                                                                             | Trưởng Ban Kiểm soát kiêm Trưởng Phòng Kế hoạch Vật tư và Thị trường Công ty Cổ phần Bao bì PP |
| ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên qua trong tổ chức đăng ký giao dịch (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột) |                                                                                                |
| ▪ Nguyễn Thị Hải Yến                                                                                                                                                     | 39.550 cổ phần                                                                                 |
| ❖ Hành vi vi phạm pháp luật:                                                                                                                                             | Không                                                                                          |
| ❖ Các khoản nợ đối với Công ty:                                                                                                                                          | Không                                                                                          |

- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

## 2. Ông Bùi Tổ Định

- ❖ Họ và tên: Bùi Tổ Định
- ❖ SỐ CMTND: 031324129 cấp ngày 13/06/2001 tại CA Hải Phòng
- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 27/7/1976
- ❖ Nơi sinh: Quảng Ninh
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Quảng Ninh
- ❖ Địa chỉ thường trú: 26/78 Trần Nguyên Hãn, Lê Chân, Hải Phòng
- ❖ Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0313783922
- ❖ Trình độ văn hoá: 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
- ❖ Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - Từ 09/1993 đến 05/1997: Bộ đội D1 Lữ đoàn 147 Hải Quân, cấp bậc Chuẩn úy QNCN
  - Từ 06/1997 đến 08/2001: Kỹ sư cơ khí chế tạo Nhà máy Bao bì PP
  - Từ 09/2001 đến 09/2004: Phó quản đốc Phân xưởng Cơ điện Công ty Cổ phần Bao bì PP
  - Từ 10/2004 đến 04/2005: Phó Phòng Kế hoạch Vật tư và Thị trường Công ty Cổ phần Bao bì PP
  - Từ 05/2005 đến 05/2008: Trưởng Phòng Thị trường Công ty Cổ phần Bao bì PP
  - Từ 06/2008 đến nay: Giám đốc Xí nghiệp Bao bì PP 3
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc Xí nghiệp Bao bì PP 3 Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên qua trong tổ chức đăng ký giao dịch (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột)
  - Bùi Tổ Định: sở hữu 28.270 cổ phiếu
  - Vợ Mai Hương: sở hữu 57.940 cổ phiếu
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

## 3. Ông Vũ Tiên Phong

- ❖ Họ và tên: Vũ Tiên Phong

- ❖ Số CMTND 030754676 cấp ngày 26/05/1999 tại CA Hải Phòng
- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 05/07/1969
- ❖ Nơi sinh: Thái Bình
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Thái Bình
- ❖ Địa chỉ thường trú: 78 Lô 3 Khu chung cư, 97 Bạch Đằng, Hồng Bàng, Hải Phòng
- ❖ Số điện thoại liên lạc ở cơ quan: 0313783922
- ❖ Trình độ văn hoá: 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn: Đại học kinh tế
- ❖ Quá trình công tác (nêu tóm tắt nơi công tác, chức vụ, nghề nghiệp đã qua):
  - Từ 12/1986 đến 09/1991: Công an cấp bậc Thượng sỹ - Đơn vị C9 D3 E30 Hồ Chí Minh và Hải Phòng
  - Từ 10/1991 đến T12/1998: Nhân viên Phòng Kế hoạch và Vật tư Nhà máy Bao bì PP
  - Từ 01/1999 đến 08/2001: Điều độ sản xuất Nhà máy Bao bì PP
  - Từ 09/2001 đến 04/2003: Phó quản đốc Nhà máy Bao bì PP
  - Từ 05/2003 đến 05/2008: Quản đốc Phân xưởng 2 Công ty Cổ phần Bao bì PP
  - Từ 06/2008 đến nay: Giám đốc Xí nghiệp Bao bì PP 2 Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Ban Kiểm soát, kiêm Giám đốc Xí nghiệp Bao bì PP 2 Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên qua trong tổ chức đăng ký giao dịch (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột)
  - Vũ Tiên Phong sở hữu 32.230 cổ phiếu
  - Vợ Đoàn Thị Kim Chung sở hữu 1.000 cổ phiếu
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

### 12.3 Ban Giám đốc

| STT | Tên                  | Chức vụ           |
|-----|----------------------|-------------------|
| 1   | Ông Mai Văn Bình     | Tổng Giám đốc     |
| 2   | Ông Mai Thúc Định    | Phó Tổng Giám đốc |
| 3   | Ông Phạm Trung Quyết | Phó Tổng Giám đốc |

**1. Ông Mai Văn Bình – Tổng Giám đốc (Như trên)**

**2. Ông Mai Thúc Định - Phó Tổng Giám đốc (Như trên)**

### 3. Ông Phạm Trung Quyết

- ❖ Giới tính: Nam
- ❖ Ngày tháng năm sinh: 17/03/1972
- ❖ Quốc tịch: Việt Nam
- ❖ Dân tộc: Kinh
- ❖ Quê quán: Hải Phòng
- ❖ Số CTND : 030841831 cấp ngày 15/10/2007 tại CA Hải Phòng
- ❖ Địa chỉ thường trú: 3/36 Ngõ 98, Đình Đông, Phường Đông Hải, Lê Chân, Hải Phòng
- ❖ Điện thoại liên lạc(cơ quan): 031.3782922
- ❖ Trình độ văn hóa: 12/12
- ❖ Trình độ chuyên môn: Đại học Bách khoa, Đại học Hàng hải
- ❖ Quá trình công tác:

#### Thời gian công tác

#### Nơi công tác

|                     |                                               |
|---------------------|-----------------------------------------------|
| Từ 1994 đến 1999    | Kỹ sư điện Nhà máy Bao bì PP                  |
| Từ 1999 đến 2000    | Phó Quản đốc Phân xưởng Nhà máy Bao bì PP     |
| Từ 2001 đến 03/2003 | Quản đốc Phân xưởng Nhà máy Bao bì PP         |
| Từ 04/2003 đến 2006 | Quản đốc Phân xưởng Công ty Cổ phần Bao bì PP |
| Từ 2006 đến nay     | Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP   |

- ❖ Chức vụ công tác hiện nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bao bì PP
- ❖ Tỷ lệ sở hữu chứng khoán của bản thân và những người liên qua trong tổ chức đăng ký giao dịch (Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột)
  - Phạm Trung Quyết: 10.000 cổ phần
- ❖ Hành vi vi phạm pháp luật: Không
- ❖ Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- ❖ Thù lao và các khoản lợi ích khác: Không
- ❖ Lợi ích liên quan đối với tổ chức niêm yết: Lương, thưởng và phụ cấp theo quy định của Công ty

### 12.4 Kế toán trưởng

#### 1. Bà Nguyễn Thúy Hiền – Kế toán trưởng (Như trên)

### 13. Tài sản

Bảng 16. Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 31/12/2008

| STT | Nhóm TSCĐ              | Nguyên giá     | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại |
|-----|------------------------|----------------|------------------------|-----------------|
| 1   | Nhà cửa, vật kiến trúc | 10,981,900,375 | 7,977,572,697          | 3,004,327,678   |
| 2   | Máy móc, thiết bị      | 84,695,294,858 | 72,856,680,156         | 11,838,614,702  |
| 3   | Phương tiện vận tải    | 1,771,317,170  | 649,487,995            | 1,121,829,175   |
| 4   | Thiết bị, dụng cụ QL   | 301,841,772    | 298,636,242            | 3,205,530       |

|  |                  |                       |                       |                       |
|--|------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|
|  | <b>Tổng cộng</b> | <b>97,750,354,175</b> | <b>81,782,377,090</b> | <b>15,967,977,085</b> |
|--|------------------|-----------------------|-----------------------|-----------------------|

(Nguồn: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008 của Công ty Cổ phần Bao bì PP)

Bảng 17. Tài sản cố định của Công ty tại thời điểm 30/09/2009

| STT | Nhóm TSCĐ              | Nguyên giá            | Giá trị hao mòn lũy kế | Giá trị còn lại       |
|-----|------------------------|-----------------------|------------------------|-----------------------|
| 1   | Nhà cửa, vật kiến trúc | 11,077,911,426        | 8,479,297,242          | 2,598,614,184         |
| 2   | Máy móc, thiết bị      | 84,719,719,058        | 75,860,787,894         | 8,858,931,164         |
| 3   | Phương tiện vận tải    | 1,771,317,170         | 850,003,534            | 921,313,636           |
| 4   | Thiết bị, dụng cụ QL   | 314,233,572           | 313,432,190            | 801,382               |
|     | <b>Tổng cộng</b>       | <b>97,883,181,226</b> | <b>85,503,520,860</b>  | <b>12,379,660,366</b> |

(Nguồn: Báo cáo tài chính thời điểm 30/09/2009 của Công ty Cổ phần Bao bì PP)

Bảng 18. Bảng tài sản đất đai nhà xưởng của Công ty tại thời điểm 30/09/2009

| TT | Địa chỉ                                            | Diện tích/Quy mô     | Mục đích sử dụng                            | Quyền sở hữu                  |
|----|----------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------------|-------------------------------|
| 1  | 263 Trần Nguyên Hân, Hải Phòng                     | 5.194m <sup>2</sup>  | Xây dựng văn phòng, xưởng sản xuất kho tàng | Thuê từ năm 2002 đến năm 2042 |
| 2  | 97 Đinh Nhu, Hải Phòng                             | 16.038m <sup>2</sup> | Xây dựng văn phòng, xưởng sản xuất kho tàng | Thuê từ năm 2002 đến năm 2042 |
| 3  | Nhà máy Giấy Kraft – Trường Sơn, An Lão, Hải Phòng | 19.935m <sup>2</sup> | Xây dựng văn phòng, xưởng sản xuất kho tàng | Thuê từ năm 2007 đến năm 2057 |
| 4  | Khu CN Nhơn Trạch 2, Lộc Khang, Tỉnh Đồng Nai      | 7.120m <sup>2</sup>  | Xây dựng văn phòng, xưởng sản xuất kho tàng | Thuê từ năm 2006 đến năm 2056 |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Bao bì PP)

## 14. Kế hoạch lợi nhuận và cổ tức năm tiếp theo

### 14.1 Một số chỉ tiêu dự kiến về kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty

Bảng 19. Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty từ 2009 - 2010

DVT: Triệu đồng

| Chỉ tiêu        | Năm 2008 | Thực hiện 9T/2009 | Năm 2009 |                     | Năm 2010 |                     |
|-----------------|----------|-------------------|----------|---------------------|----------|---------------------|
|                 |          |                   | Giá trị  | +/- so với năm 2008 | Giá trị  | +/- so với năm 2009 |
| Doanh thu thuần | 202.163  | 43.359            | 203.000  | 0,41%               | 220.000  | 8,37%               |
| LNST            | 5.005    | 3.453             | 7.600    | 51,83%              | 8.500    | 11,84%              |
| LNST/DT         | 2,48%    | 7,96%             | 3,74%    | 1,27%               | 3,86%    | 0,12%               |
| LNST/VCSH       | 10,91%   | 5,07%             | 12,45%   | 1,54%               | 13,71%   | 1,26%               |
| Vốn CSH         | 45.892   | 68.050            | 61.044   | 33,02%              | 61.999   | 1,56%               |
| Vốn điều lệ     | 28.000   | 38.800            | 38.800   | 38,57%              | 38.800   | 0,00%               |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Bao bì PP)

❖ Sản phẩm của công ty:

#### Năm 2009

- ✓ Bao đựng xi măng các loại 14.000.000 cái
- ✓ Bao đựng hoá chất các loại 14.000.000 cái
- ✓ Bao đựng thức ăn gia súc 12.000.000 cái

|                               |                |
|-------------------------------|----------------|
| ✓ Bao đựng nông sản thực phẩm | 10.000.000 cái |
|-------------------------------|----------------|

**Năm 2010**

|                                |                |
|--------------------------------|----------------|
| ✓ Bao đựng xi măng các loại:   | 12.000.000 cái |
| ✓ Bao đựng hoá chất các loại:  | 15.000.000 cái |
| ✓ Bao đựng thức ăn gia súc:    | 12.000.000 cái |
| ✓ Bao đựng nông sản thực phẩm: | 11.000.000 cái |
| ✓ Bao dán đáy:                 | 10.000.000 bao |
| ✓ Túi màng mỏng xuất khẩu:     | 3.000 tấn/năm  |

**Năm 2011 và Năm 2012**

|                                       |                                   |
|---------------------------------------|-----------------------------------|
| ✓ Bao đựng xi măng các loại:          | 12.000.000 cái                    |
| ✓ Bao đựng hoá chất các loại:         | 15.000.000 cái                    |
| ✓ Bao đựng thức ăn gia súc:           | 12.000.000 cái                    |
| ✓ Bao đựng nông sản thực phẩm:        | 10.000.000 cái                    |
| ✓ Túi màng mỏng xuất khẩu:            | 4.000 tấn - 4.500 tấn/năm         |
| ✓ Bao dán đáy:                        | 18.000.000 bao đến 40.000.000 bao |
| ✓ Bao container có sức chứa 1.000 kg: | 600.000 cái                       |

**Sản phẩm mới:**

Công ty sẽ tiến hành nghiên cứu trong năm 2010 và năm 2011 cho ra sản phẩm mới là loại bao xi măng dán đáy thân thiện với môi trường trên thế giới đang được lưu hành cùng với bao Container loại có sức chứa 1.000 kg cũng như xuất khẩu túi màng mỏng với sản lượng 3.000 tấn đến 4.500 tấn/năm

**14.2 Căn cứ để đạt kế hoạch lợi nhuận, cổ tức**

Công ty xây dựng kế hoạch với một dự đoán về việc doanh thu lợi nhuận tăng trưởng đều hàng năm dựa trên năng lực, thế mạnh và kinh nghiệm sản xuất kinh doanh trong cùng những nhận định về khả năng tăng trưởng của thị trường trong các năm tiếp theo, cụ thể:

- ❖ Với việc đã tạo lập được uy tín tốt trong ngành sản xuất bao bì cũng như có được hợp đồng cung cấp dài hạn với nhiều khách hàng lớn như: Công ty Xi măng Chinfon Hải Phòng, Công ty Xi măng Lafarge tại Đồng Nai, Công ty Xi măng Hệ Dưỡng thuộc tập đoàn Lucky Đài Loan, Công ty Phân lân Văn Điển, Công ty Phân lân Ninh Bình, Công ty Đạm Hà Bắc, Công ty Thức ăn chăn nuôi ANT Đài Loan, Công ty Thức ăn chăn nuôi AF Hoa Kỳ, Công ty Thức ăn chăn nuôi EH Trung Quốc và Công ty thức ăn Cargill Hoa Kỳ, ... giúp Công ty đã đảm bảo được một nguồn doanh thu tương đối ổn định hàng năm.
- ❖ Ngoài ra, hàng loạt các dự án đầu tư mở rộng sản xuất trong những năm tới cũng tạo tiền đề cho việc thúc đẩy tăng thị phần và doanh thu của Công ty.
- ❖ Bên cạnh đó, những yếu tố nội tại từ doanh nghiệp thì các nhân tố kinh tế vĩ mô cũng là cơ sở quan trọng cho việc xây dựng kế hoạch doanh thu lợi nhuận của Công ty. Nền kinh tế Việt Nam và thế giới đang dần vượt qua khủng hoảng và được dự đoán sẽ tăng trưởng mạnh trở lại trong những năm tới. Do đó, nhu cầu xây dựng dân dụng có tiềm năng phát triển mạnh trong những năm sắp tới. Đây là cơ hội thúc đẩy sự phát triển ngành công nghiệp xi măng cũng như ngành sản xuất bao bì xi măng..

**14.3 Chiến lược phát triển**

Ngành bao bì sản xuất từ chất dẻo có cùng ngành nghề với công ty hiện nay trên cả nước có khá nhiều cơ sở, do đó sự cạnh tranh trên thương trường là rất quyết liệt. Để giữ được thị phần tại phía Bắc cũng như phía Nam công ty đã xác định hướng đi là xây dựng văn hoá trong sản xuất kinh doanh của công ty: luôn lấy chất lượng sản phẩm với giá cả hợp lý là sự tồn tại và phát triển của

công ty, luôn đáp ứng được thay đổi mẫu mã bao bì khách hàng có yêu cầu, luôn thay đổi thiết bị thể hệ mới nhằm tiêu hao vật tư ít hơn, ứng sử với khách hàng tận tình chu đáo và đã tạo được niềm tin trong nhiều khách hàng, hậu mãi sau bán hàng chu đáo tận tình.

Để tăng thị phần trong nước cũng như cho xuất khẩu, công ty đã và đang nghiên cứu lập dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bao bì PP dán đáy và dự án sản xuất bao Container phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu. Khi 2 dự án bao dán đáy và bao Container đi vào sản xuất thì thị trường Việt Nam sẽ có thêm loại bao bì mới được sử dụng đóng gói cho nhiều loại sản phẩm, và tại thời điểm đó thị phần của công ty sẽ có nhiều cơ hội mở rộng sản xuất một cách bền vững

#### **14.4 Công tác đầu tư về công nghệ sản xuất**

- ❖ Ổn định và không ngừng cải tiến, hợp tác đầu tư công nghệ, nâng cao chất lượng các sản phẩm hiện có
- ❖ Đa dạng hóa sản phẩm để đáp ứng ngày càng tăng nhu cầu của khách hàng.

#### **14.5 Đầu tư xây dựng và đưa vào vận hành nhà máy sản xuất mới**

- ❖ Dự án đầu tư dây chuyền sản xuất bao bì PP dán đáy và dự án sản xuất bao Container phục vụ cho nhu cầu trong nước và xuất khẩu
- ❖ Ngoài những sản phẩm truyền thống hiện nay, công ty đang tiến hành thảo luận và bước đầu đã ký hợp đồng liên doanh với công ty MIDAX và công ty EURO VN của ITALYA để sản xuất túi màng mỏng xuất khẩu với sản lượng từ 300 - 500 tấn/tháng doanh thu hàng năm ước đạt: 8.325.000 USD tương đương với 150 tỷ đồng Việt Nam. Vốn điều lệ công ty liên doanh là 2.000.000 USD, nước ngoài góp 1.200.000 USD phía Việt Nam góp 800.000 USD
  - Dự kiến liên doanh đi vào sản xuất trong quý I năm 2010.
  - Địa điểm Công ty liên doanh tại: địa điểm số 3 Thị trấn Trường Sơn, huyện An Lão, TP. Hải Phòng.
- ❖ Kế hoạch liên doanh với Công ty Cổ phần Đầu tư Tài chính Thăng Long xây toà nhà cao cấp làm văn phòng cho thuê (dự kiến toà nhà cao 22 tầng tại địa điểm 1: số 263 đường Trần Nguyên Hãn, Quận Lê Chân TP Hải Phòng (hiện đã có chủ trương và được UBND Thành phố Hải Phòng chấp nhận cho lập qui hoạch trình Thành phố duyệt trong thời gian tới)

#### **14.6 Chính sách nhân sự**

- ❖ Tuyển dụng mới kỹ sư, công nhân có trình độ và tay nghề cao đáp ứng được yêu cầu vận hành sản xuất các thiết bị hiện đại, công nghệ tiên tiến của công ty cùng với việc đào tạo và đào tạo lại đội ngũ công nhân sản xuất công nghệ tại các vị trí hiện tại của công ty.

#### **14.7 Công tác quản lý chất lượng**

- ❖ Duy trì và không ngừng cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008 mà công ty đã xây dựng và vận hành.

### **15. Đánh giá của Tổ chức Tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức**

Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn đã thu thập các thông tin, tiến hành các đánh giá cần thiết về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Bao bì PP cũng như xem xét lĩnh vực kinh doanh mà Công ty đang hoạt động.

Công ty Cổ phần Bao bì PP được thành lập từ năm 1992 và có hơn 17 năm kinh nghiệm quản lý, sản xuất kinh doanh trong lĩnh vực sản xuất bao bì các loại như bao phân lân, bao thức ăn, bao xi măng...

Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty thể hiện những dự định mang tính chất chiến lược dài hạn và được xây dựng dựa trên những kinh nghiệm lâu năm về quản lý và sản xuất kinh doanh. Dưới góc độ của tổ chức tư vấn, SSI cho rằng nếu không có những biến động bất thường ảnh



hưởng nghiêm trọng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và những nhận định của Công ty về thị trường, khả năng phát triển cũng như giá cả nguyên vật liệu đầu là chính xác thì kế hoạch kinh doanh trên là khả thi.

**Những nhận xét trên chỉ mang tính tham khảo mà không hàm ý đảm bảo giá trị của chứng khoán.**

**16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu.**

Không có

## **V. CHỨNG KHOÁN NIÊM YẾT**

### **1. Loại chứng khoán**

Cổ phiếu phổ thông

### **2. Mệnh giá**

10.000 đồng/cổ phiếu

### **3. Tổng số chứng khoán niêm yết**

Tổng số chứng khoán niêm yết: 3.880.000 cổ phiếu

### **4. Số lượng cổ phiếu bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định của pháp luật hoặc của Công ty**

| TT                                           | Họ và tên          | Chức vụ                                | Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng (*)   |                              |
|----------------------------------------------|--------------------|----------------------------------------|----------------------------------------|------------------------------|
|                                              |                    |                                        | Trong vòng 6 tháng kể từ ngày niêm yết | Trong vòng 6 tháng tiếp theo |
| 1                                            | Mai Văn Bình       | Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc       | 205.700                                | 102.850                      |
| 2                                            | Mai Thúc Định      | Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng giám đốc | 114.500                                | 57.250                       |
| 3                                            | Nguyễn Thúy Hiền   | Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng    | 69.250                                 | 34.625                       |
| 4                                            | Cao Thị Lan        | Thành viên HĐQT                        | 55.000                                 | 27.500                       |
| 5                                            | Trần Ngọc Tuấn     | Thành viên HĐQT                        | 26.000                                 | 13.000                       |
| 6                                            | Nguyễn Thị Hải Yến | Trưởng BKS                             | 39.550                                 | 19.775                       |
| 7                                            | Bùi Tổ Định        | Thanh viên BKS                         | 28.270                                 | 14.135                       |
| 8                                            | Vũ Tiên Phong      | Thanh viên BKS                         | 32.230                                 | 16.115                       |
| 9                                            | Phạm Trung Quyết   | Phó Tổng giám đốc                      | 10.000                                 | 5.000                        |
| <b>Tổng số cổ phần hạn chế chuyển nhượng</b> |                    |                                        | <b>580.500</b>                         | <b>290.250</b>               |

(Nguồn: Công ty Cổ phần Bao bì PP)

- ❖ Điểm 3, Điều 11, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán quy định: “Trong thời gian Sở Giao dịch chứng khoán, Trung tâm Giao dịch chứng khoán xem xét hồ sơ đăng ký niêm yết, thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và cổ đông lớn của tổ chức đăng ký niêm yết không được chuyển nhượng cổ phần do mình nắm giữ”.
- ❖ Tiết d, Điểm 1, Điều 9, Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán quy định: “Cổ đông là thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và Kế toán trưởng của công ty phải cam kết nắm giữ 100% số cổ phiếu do mình sở hữu trong thời gian 6 tháng kể từ ngày niêm yết và 50% số cổ phiếu này trong thời gian 6 tháng tiếp theo, không tính số cổ phiếu thuộc sở hữu Nhà nước do các cá nhân trên đại diện nắm giữ”.

- ❖ Tổng số cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng là 580.500 cổ phần

## 5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của cổ phiếu được tính theo công thức:

$$\text{Giá trị sổ sách của cổ phiếu} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu – Quỹ khen thưởng, phúc lợi}}{\text{Tổng số cổ phiếu đang lưu hành}}$$

- ❖ Tại thời điểm 31/12/2008

$$= \frac{46.460.334.783 - 568.426.055}{2.777.200} = 16.524,52 \text{ đồng/cp}$$

- ❖ Tại thời điểm 30/09/2009

$$= \frac{68.049.517.197 - 391.126.055}{3.857.200} = 17.540,80 \text{ đồng/cp}$$

## 6. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài:

- ❖ Căn cứ theo Quyết định 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/04/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam, nhà đầu tư nước ngoài mua bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được phép nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của công ty cổ phần đại chúng.
- ❖ Đến thời điểm 30/09/2009, nhà đầu tư nước ngoài nắm 0 cổ phiếu của Công ty.

## 7. Các loại thuế có liên quan:

Các loại thuế đối với Công ty Cổ phần Bao bì PP là thuế giá trị gia tăng, thuế nhập khẩu, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế nhà đất...

- ❖ Thuế nhập nguyên vật liệu: Thuế nhập khẩu nhựa 0%, thuế nhập khẩu giấy từ 0%-5%
- ❖ VAT: 10%
- ❖ Thuế thu nhập doanh nghiệp: 25%.

## **VI. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT NIÊM YẾT**

### **1. Tổ chức Tư vấn**

❖ **Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn (SSI)**

***Trụ sở chính***

Địa chỉ: Số 72 Nguyễn Huệ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84.8) 8 242 897 Fax: (84.8) 8 247 430  
Email: ssi@ssi.com.vn Website: <http://www.ssi.com.vn>

***Chi nhánh Nguyễn Công Trứ - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn***

Địa chỉ: 180-182 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh  
Điện thoại: (84.8) 8 2185 67 Fax: (84.8).2 910 590

***Chi nhánh Hà Nội - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn***

Địa chỉ: Số 1C Ngô Quyền, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84.4) 9366 321 Fax: (84.4) 9366 318  
Email: ssi\_hn@ssi.com.vn

***Chi nhánh Trần Bình Trọng - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn***

Địa chỉ: 25 Trần Bình Trọng, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Điện thoại: (84.4) 9 426 718 Fax: (84.4) 9 426 719

***Chi nhánh Hải Phòng - Công ty Cổ phần Chứng khoán Sài Gòn***

Địa chỉ: Số 22 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP. Hải Phòng  
Điện thoại: (84.31) 3 569 123 Fax: (84.31) 3 569 130

### **2. Tổ chức Kiểm toán**

❖ **Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Việt Nam**

Địa chỉ: Tầng 7, Tòa nhà số 05 Lý Tự Trọng, Quận Hồng Bàng, TP Hải Phòng  
Điện thoại: (84.31) 3842430 Fax: (84.31) 3842433  
Email: vaaco@hn.vnn.vn Website: <http://www.vaaco.com.vn>

## VII. PHỤ LỤC

- ❖ Phụ lục 1: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;
- ❖ Phụ lục 2: Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua niêm yết cổ phiếu;
- ❖ Phụ lục 3: Quyết định của HĐQT về việc thông qua hồ sơ niêm yết và kế hoạch kinh doanh
- ❖ Phụ lục 4: Báo cáo kiểm toán vốn; Các Báo tài chính kiểm toán năm 2007, 2008 và 9 tháng đầu năm 2009
- ❖ Phụ lục 5: Danh sách và sơ yếu lý lịch thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng
- ❖ Phụ lục 6: Sổ đăng ký cổ đông;
- ❖ Phụ lục 7: Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty;
- ❖ Phụ lục 8: Danh sách thành viên chủ chốt và người có liên quan; Cam kết nắm giữ của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát và Kế toán trưởng;
- ❖ Phụ lục 9: Hợp đồng tư vấn niêm yết;
- ❖ Phụ lục 10: Giấy ủy quyền nhân viên công bố thông tin và quy trình nội bộ về công bố thông tin;
- ❖ Phụ lục 11: Quy chế quản trị Công ty;
- ❖ Phụ lục 12: Hồ sơ các đợt phát hành
- ❖ Phụ lục 13: Các tài liệu khác.

*Hải Phòng, ngày      tháng      năm 2009*

**ĐẠI DIỆN CỦA TỔ CHỨC NIÊM YẾT  
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ PP  
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

|                             |                     |                         |
|-----------------------------|---------------------|-------------------------|
|                             | <b>Mai Văn Bình</b> |                         |
| <b>TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT</b> |                     | <b>KẾ TOÁN TRƯỞNG</b>   |
| <br>                        |                     |                         |
| <b>Nguyễn Thị Hải Yến</b>   |                     | <b>Nguyễn Thúy Hiền</b> |